

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hải Yến

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hải Yến

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hải Yến

Mã SV: 120295

Lớp: QT1203K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Đông Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Đông Á.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Đông Á, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Đông Á

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lương Khánh Chi

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Đông Á.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Hải Yến

ThS. Lương Khánh Chi

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ, chịu khó
- Khiêm tốn, cầu thị
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khoá luận tốt nghiệp

2. Đánh giá chất lượng của đề tài tốt nghiệp (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khoá luận tốt nghiệp trình bày trong 106 trang bao gồm cả bảng biểu, kết cấu hợp lý, logic, phù hợp với quy mô khoá luận tốt nghiệp cấp cử nhân.

Chương 1: Tác giả trình bày những vấn đề lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, trên cơ sở đó xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Nội dung lý luận cơ bản, chọn lọc, đầy đủ.

Chương 2: Tác giả khảo sát công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á. Tác giả khảo sát một cách có hệ thống từ khâu tổ chức chứng từ, vận dụng tài khoản kế toán, sổ sách kế toán sử dụng theo hình thức kế toán Nhật ký Chung áp dụng tại Công ty. Số liệu khảo sát rõ ràng, chi tiết, cụ thể và sâu sắc đã làm rõ quy trình kế toán tại Công ty.

Chương 3: Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tác giả đã đưa ra một số biện pháp hoàn thiện về áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, hoàn thiện sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh (TK 642)..... Các biện pháp đề xuất có cơ sở và căn cứ khoa học.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

10,0 (Mười điểm)

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

Mở đầu	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.2.Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.2.1.Doanh thu.....	4
1.1.2.2.Chi phí.....	8
1.1.2.3.Xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.1.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	12
1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	12
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
1.2.1.1.Chứng từ sử dụng.....	13
1.2.1.2.Tài khoản sử dụng.....	13
1.2.1.3.Phương pháp kế toán.....	14
1.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.2.1.Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.2.2.Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.2.3.Phương pháp kế toán.....	16
1.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....	16

1.2.3.1.Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.2.Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.3.3.Phương pháp kế toán.....	18
1.2.4.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	20
1.2.4.1.Chứng từ sử dụng.....	20
1.2.4.2.Tài khoản sử dụng.....	20
1.2.4.3.Phương pháp kế toán.....	20
1.2.5.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	22
1.2.5.1.Chứng từ sử dụng.....	22
1.2.5.2.Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.5.3.Phương pháp kế toán.....	23
1.2.6.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	26
1.2.6.1.Chứng từ sử dụng.....	26
1.2.6.2.Tài khoản sử dụng.....	26
1.2.6.3.Phương pháp kế toán.....	26
1.2.7.Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	27
1.2.7.1.Chứng từ sử dụng.....	27
1.2.7.2.Tài khoản sử dụng.....	28
1.2.7.3.Phương pháp kế toán.....	28
1.2.8.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.2.8.1.Chứng từ sử dụng.....	29
1.2.8.2.Tài khoản sử dụng.....	29
1.2.8.3.Phương pháp kế toán.....	29
1.3.Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	31

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	31
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	32
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	33
1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	33
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	35

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.....

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	37
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	36
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Đông Á.....	38
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	40
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	40
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.....	41
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.....	41
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	41
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	41
2.1.3.6. Các chính sách và phương pháp kế toán công ty TNHH thương mại Đông Á áp dụng.....	42
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đông Á.....	42
2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại Đông Á.....	42
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty.....	43
2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	43
2.2.1.3. Quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	44

2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	53
2.2.2.1.Phương pháp tính giá hàng xuất kho.....	53
2.2.2.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	53
2.2.2.3.Quy trình kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	54
2.2.3.Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	63
2.2.3.1.Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	63
2.2.3.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	63
2.2.3.3.Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.....	63
2.2.4.Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	70
2.2.4.1.Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	70
2.2.4.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	70
2.2.4.3.Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	70
2.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH thương mại Đông Á.....	78
2.2.5.1.Nội dung của chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	78
2.2.5.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	78
2.2.5.3.Quy trình kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	78

2.2.6.Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	82
2.2.6.1.Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.....	82
2.2.6.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	83
<u>2.2.6.3.Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....</u>	<u>84</u>
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.....	
3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.....	89
3.1.1.Đánh giá chung.....	89
3.1.2.Uưu điểm.....	90
3.1.3.Nhược điểm.....	91
3.2.Một số giải biện hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đông Á.....	93
3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương Mại Đông Á.....	93
3.2.2.Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương Mại Đông Á.....	94
3.2.3.Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương Mại Đông Á.....	94
3.2.3.1.Sử dụng phần mềm kế toán.....	94
3.2.3.2.Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	97
3.2.3.3.Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết.....	99
3.2.3.4.Áp dụng các khoản trích theo lương cho người lao động.....	101

Kết luận	105
Tài liệu tham khảo	106

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Vì vậy, để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, không những các doanh nghiệp phải luôn cố gắng và nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình; mà còn phải phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động của thị trường đưa ra các chiến lược tiêu thụ kịp thời nhằm hạn chế những bất lợi đối với lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận hoạt động khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính càng ổn định. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á là doanh nghiệp kinh doanh các dòng xe ô tô con 05 chỗ đa số nhập khẩu từ Hàn quốc và một số xe lắp ráp trong nước cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Công ty được thành lập nhằm cung cấp các sản phẩm ô tô tầm trung cho các cá nhân và đơn vị. Công ty gặp khó khăn như phải đối mặt với sự cạnh tranh của các công ty kinh doanh cùng mặt hàng đã quen với thị trường và khách hàng. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của kế toán là phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được lợi thế trong kinh doanh, giảm chi phí và đạt được lợi nhuận cao. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu và lợi nhuận tại công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo Thạc sỹ Lương Khánh Chi và các nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại Đông Á, em đã lựa chọn đề tài : ***“ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á”*** .

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lí luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á trong quý IV năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lí luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lí luận.
- Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...
- Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương sau:

- **Chương 1: Những vấn đề lí luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**
- **Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.**
- **Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.**

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ phía các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm các khoản thu từ hoạt động khác mang lại.

Về việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh. Đồng thời doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

✚ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn tất cả (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: đây là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tài quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp; sau khi người mua nhận đủ hàng và kí vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.
- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận thanh toán: Theo phương thức này, bên chuyên hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán 1 phần hay toàn bộ số hàng chuyển

giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu, doanh thu được ghi nhận.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.
- Tiêu thụ theo phương thức đại lý: là phương thức mà bên bán chuyển giao cho bên nhận đại lý, khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi, doanh thu và giá vốn của hàng bán được ghi nhận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh

trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

- Hàng bán bị trả lại: Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:
 - + Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp sản xuất các loại sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.
 - + Thuế xuất khẩu cũng được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh thu của hàng hóa xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.
 - + Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Doanh thu của sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp đã bao gồm thuế GTGT. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ phải tương ứng với doanh thu đã xác định.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ....
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- ❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*
- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- ✚ Thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...
- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm, ... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương diện tính toán, phương diện làm việc,...
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...
- Chi phí bảo hành: dùng để phản ánh khoản chi phí dùng để bảo hành sản phẩm, hàng hóa.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dùng để phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi,...
- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho các cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...
- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...
- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua sử dụng tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...
- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái.

Chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

✓ Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính – Chi phí QLDN – Chi phí bán hàng

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các chi phí phát sinh, các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết và đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ cho việc lập báo cáo tài chính.
- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho Ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 511 có bốn (4) tiểu khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

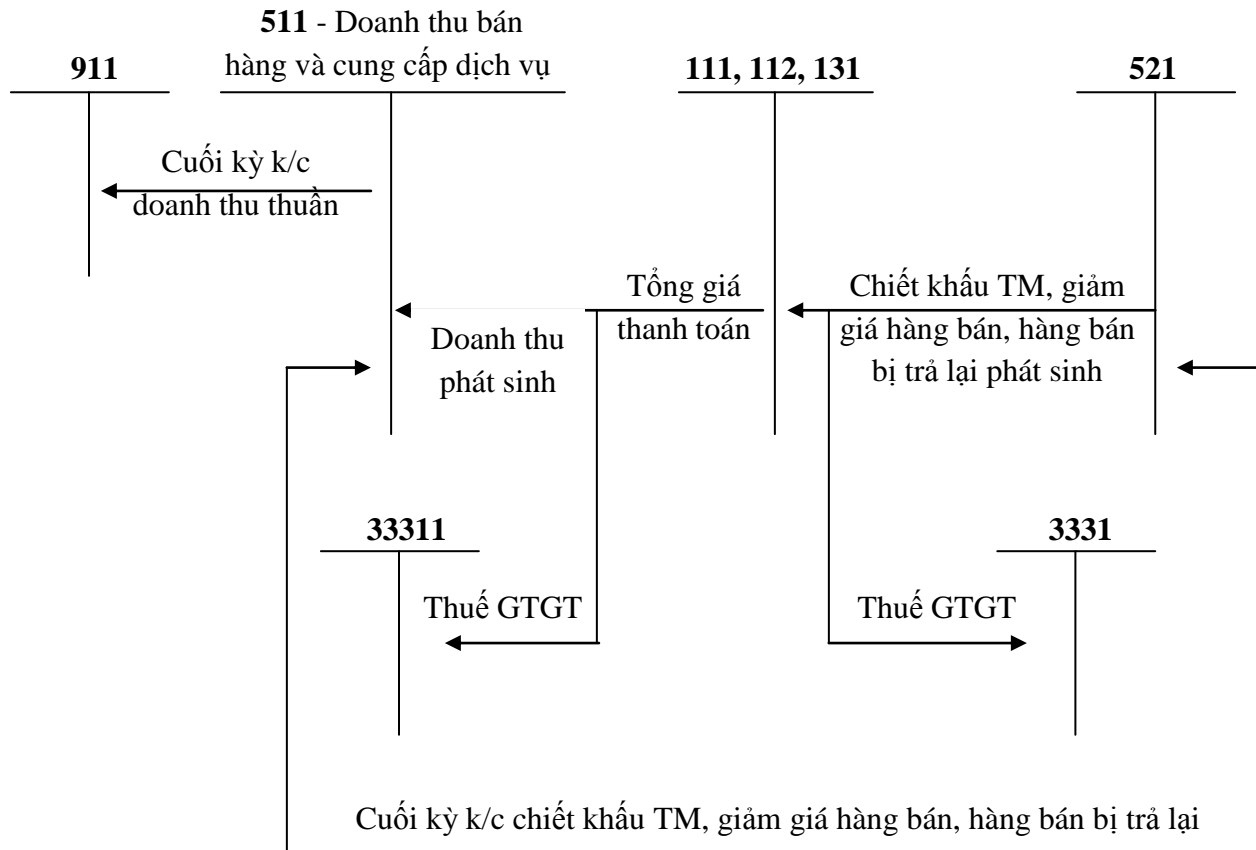
+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

1.2.1.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 – Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hàng cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu Thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.
- Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ.

TK 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 5213 – Giảm giá hàng bán

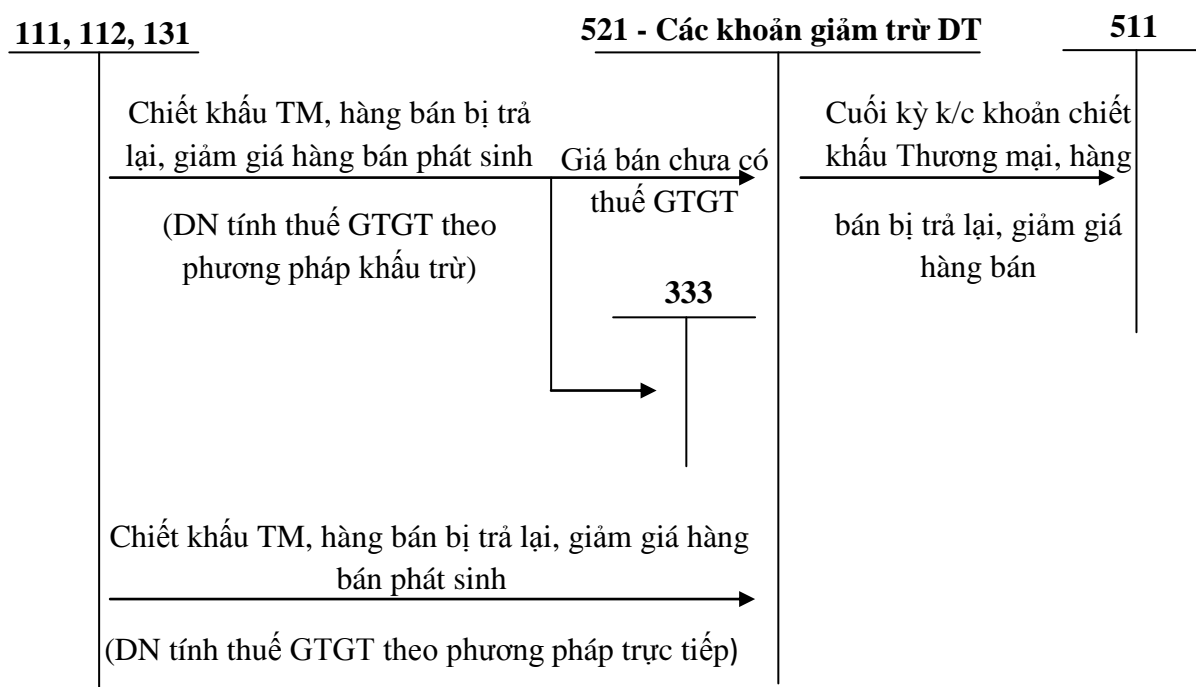
Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

- Bên Nợ:
 - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách, quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Bên Có:
 - Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
- Tài khoản 5213 không có số dư cuối kỳ.

☞ Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333).

1.2.2.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng **sơ đồ 1.2**



Sơ đồ 1.2 – Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và cho phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

➤ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Việc tính giá hàng xuất kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình

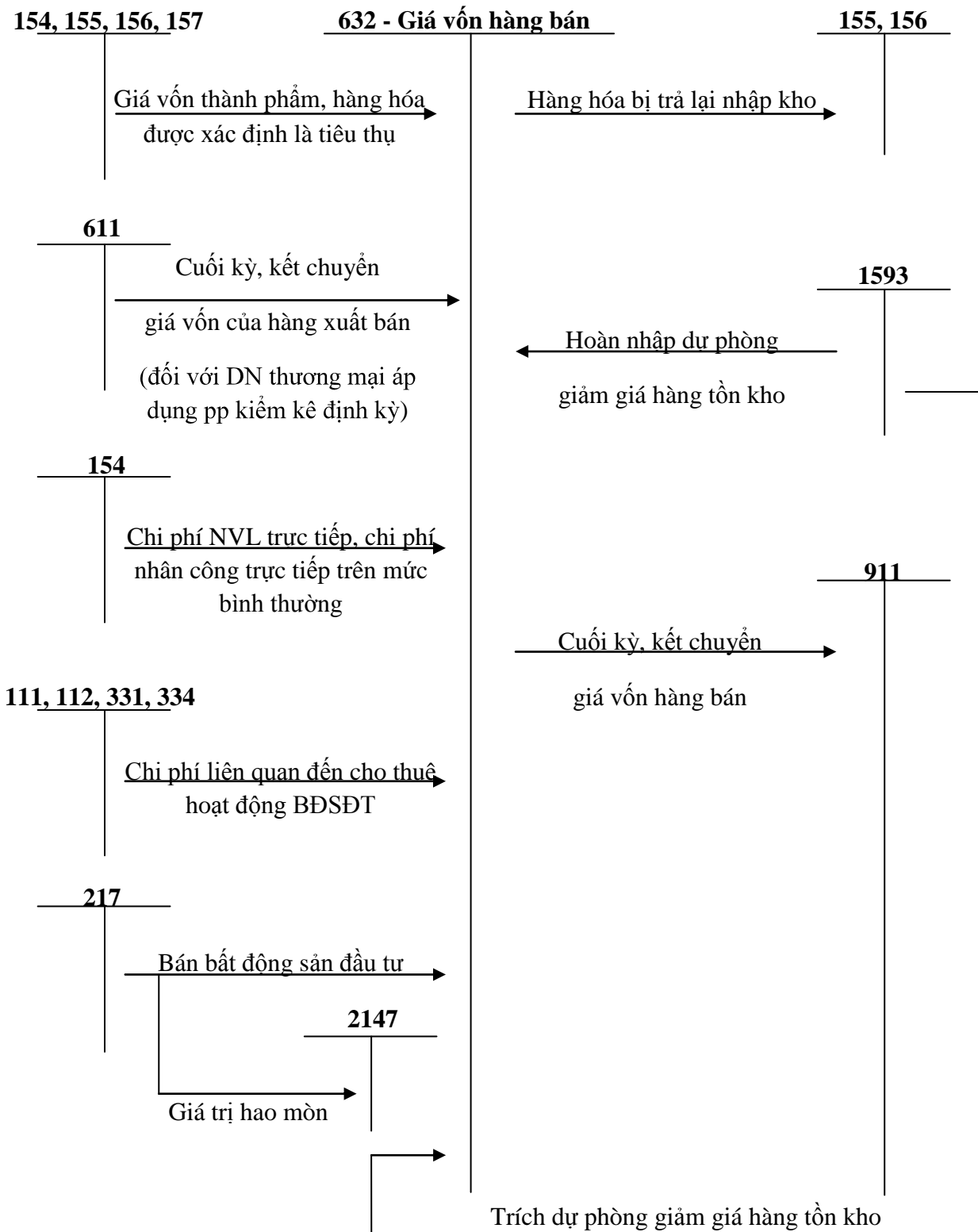
có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- Phương pháp nhập sau – xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ của tồn kho.

☞ Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán còn sử dụng TK 631 “Giá thành sản xuất”, TK611 “Mua hàng”

1.2.3.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng **sơ đồ 1.3**



Sơ đồ 1.3 – Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

TK642 – Chi phí quản lý kinh doanh

TK 6421 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Bên Có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ.

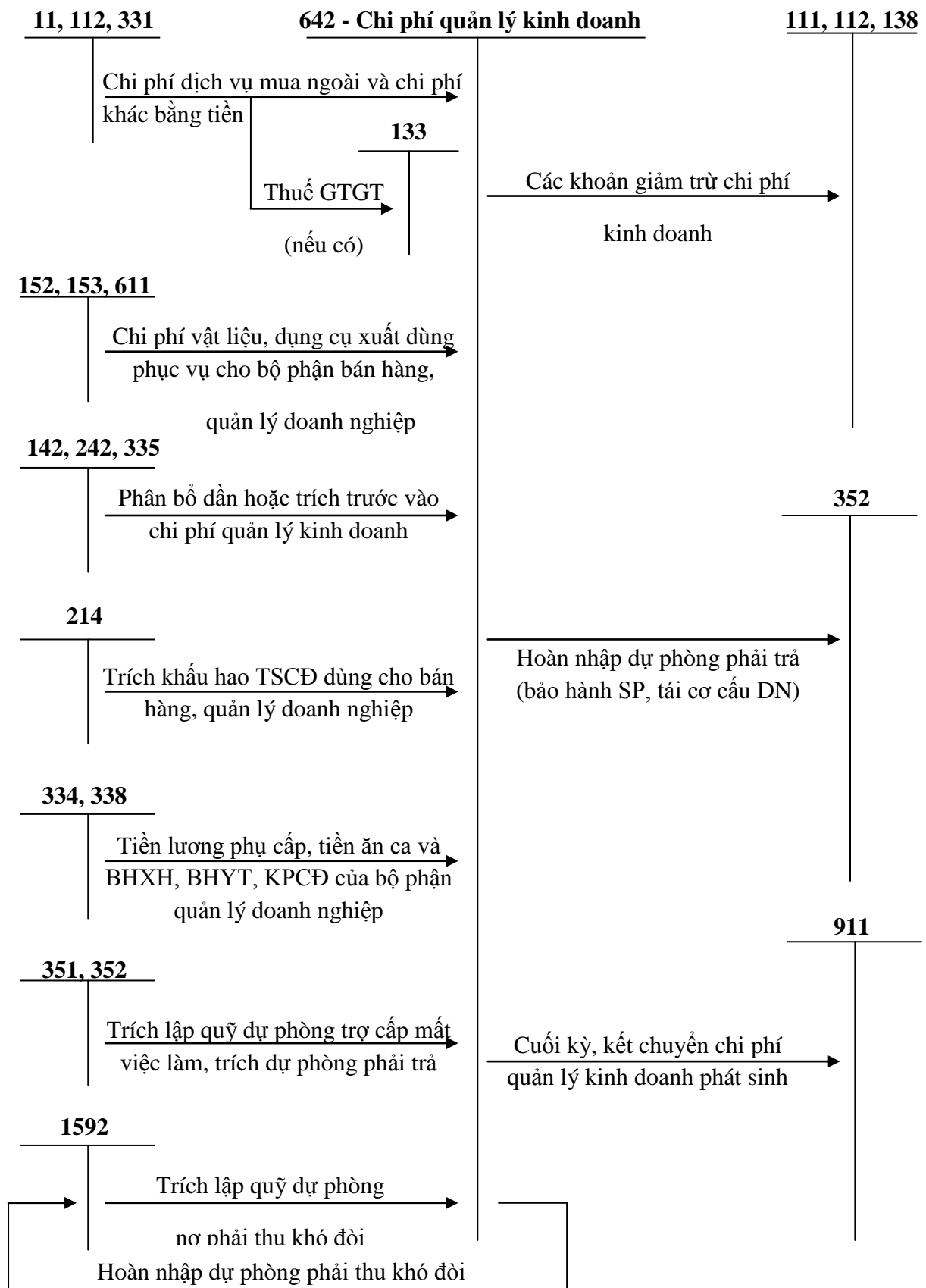
TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:
 - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
 - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- Bên Có:
 - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
 - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.4



Sơ đồ 1.4 – Phương pháp kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

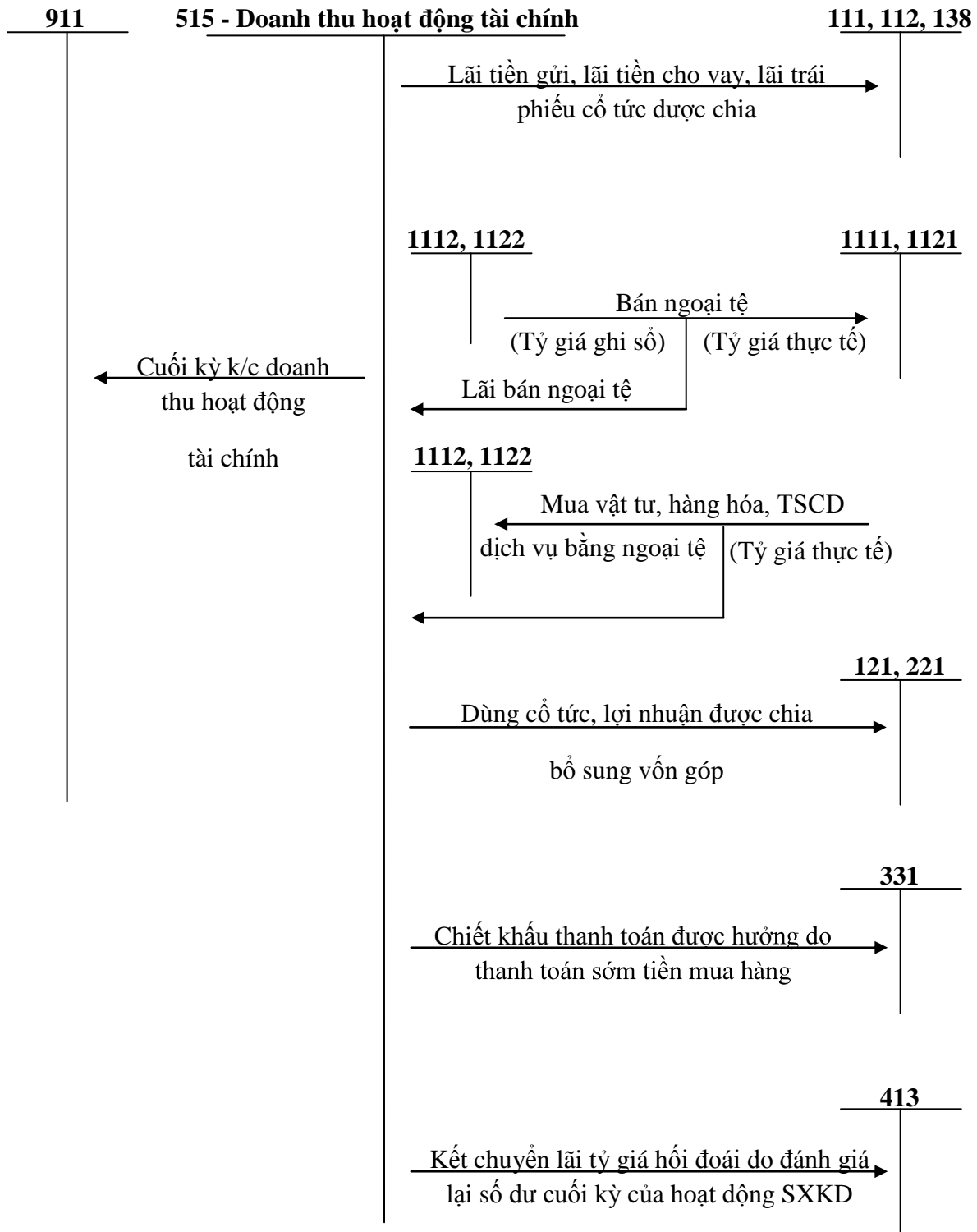
- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lãi bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ Bên Có:

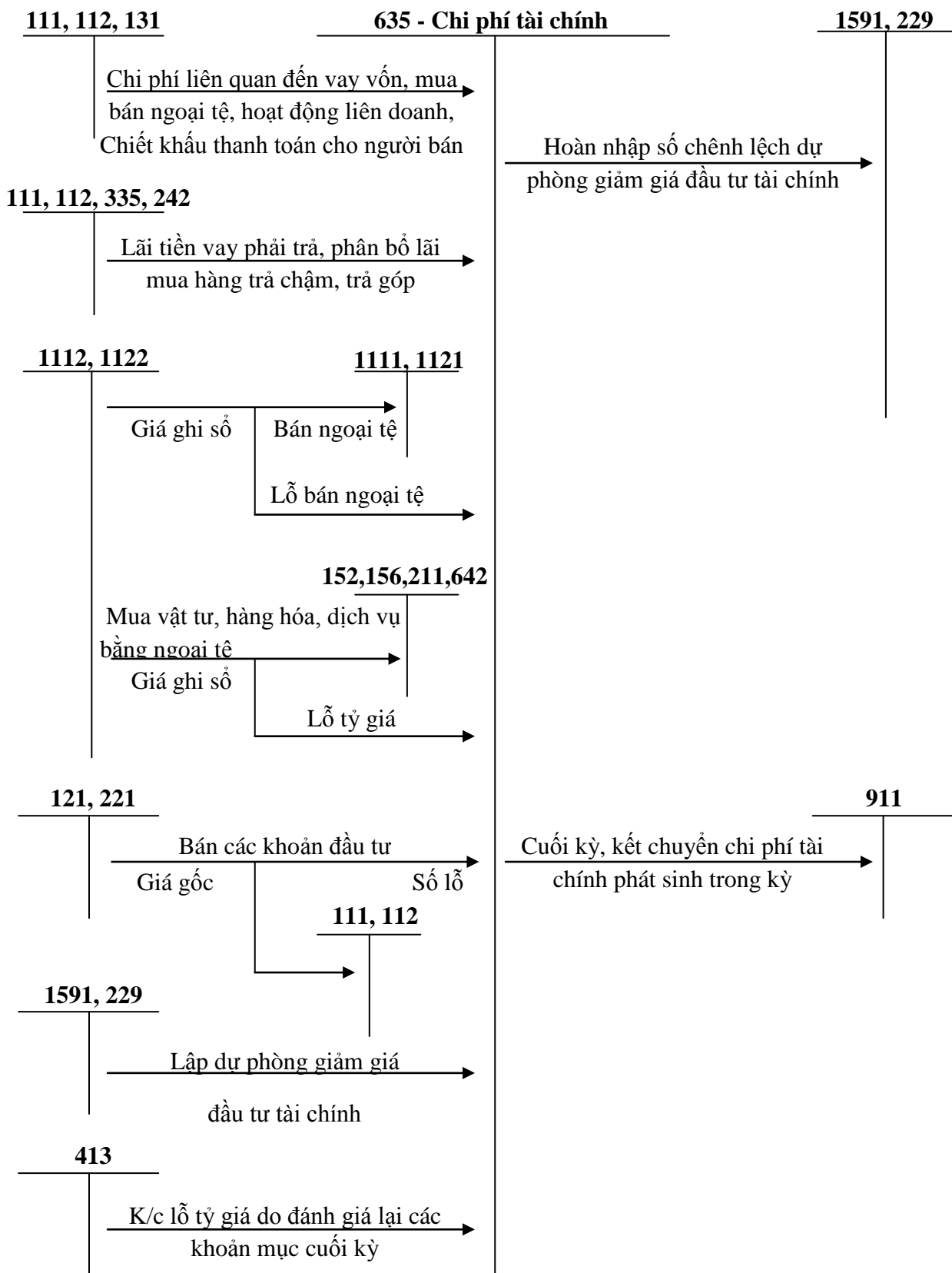
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính lần lượt được khái quát bằng **sơ đồ 1.5a** và **sơ đồ 1.5b**



Sơ đồ 1.5a – Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.5b – Phương pháp kế toán chi phí tài chính

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

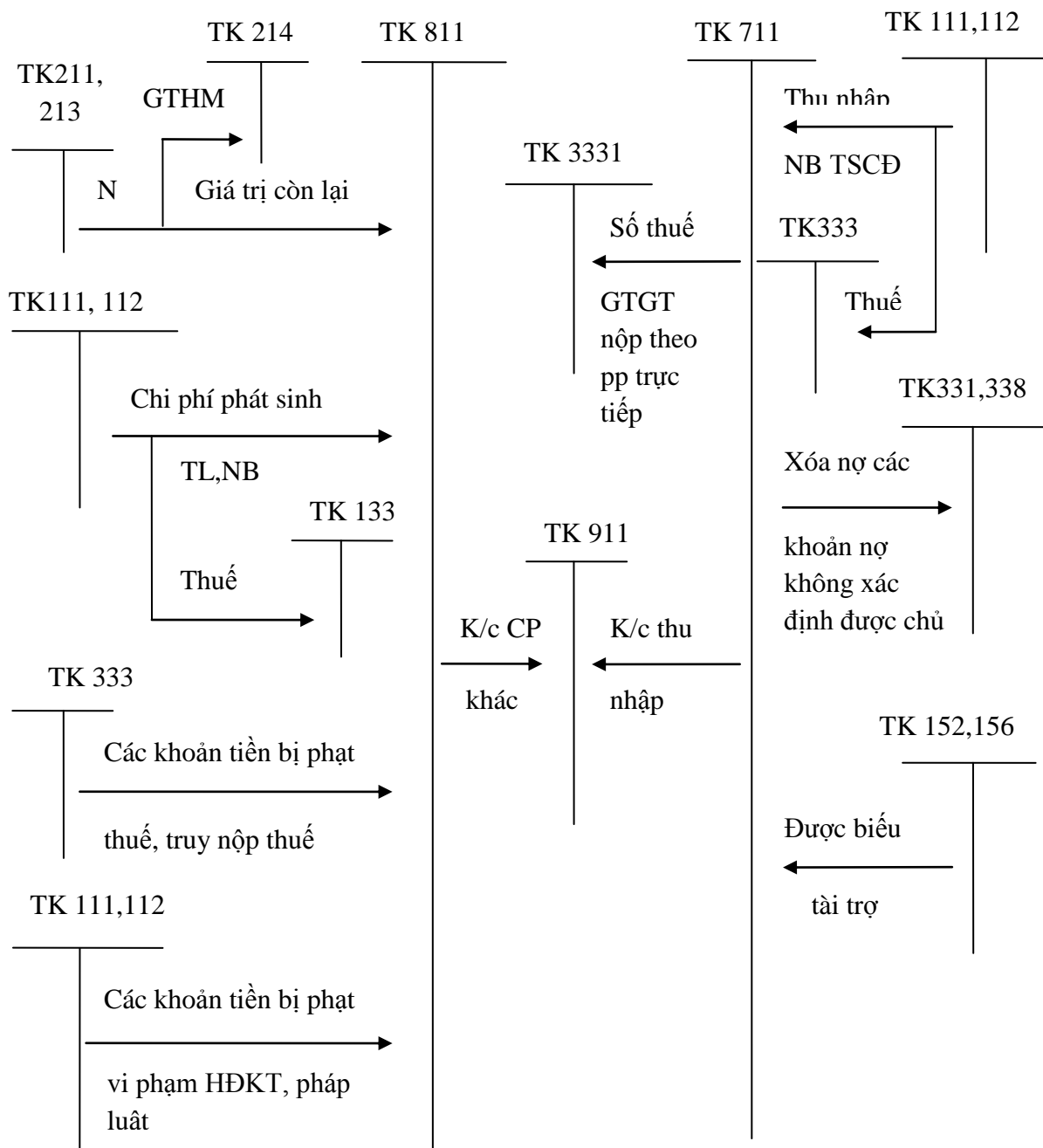
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.6



Sơ đồ 1.6 – Phương pháp kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi) được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

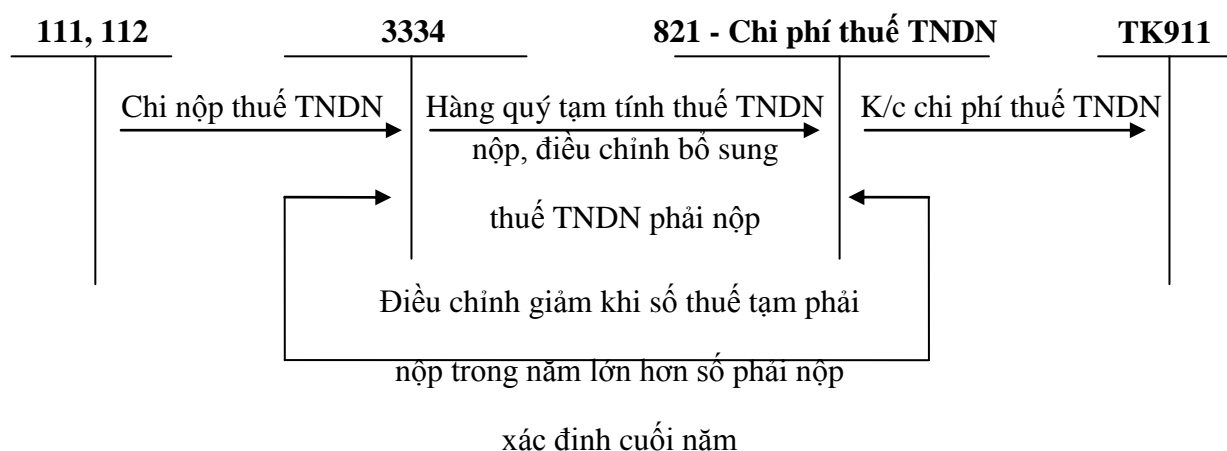
➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn so với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7 – Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.8.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

1.2.8.2. Tài khoản sử dụng.

- ✚ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

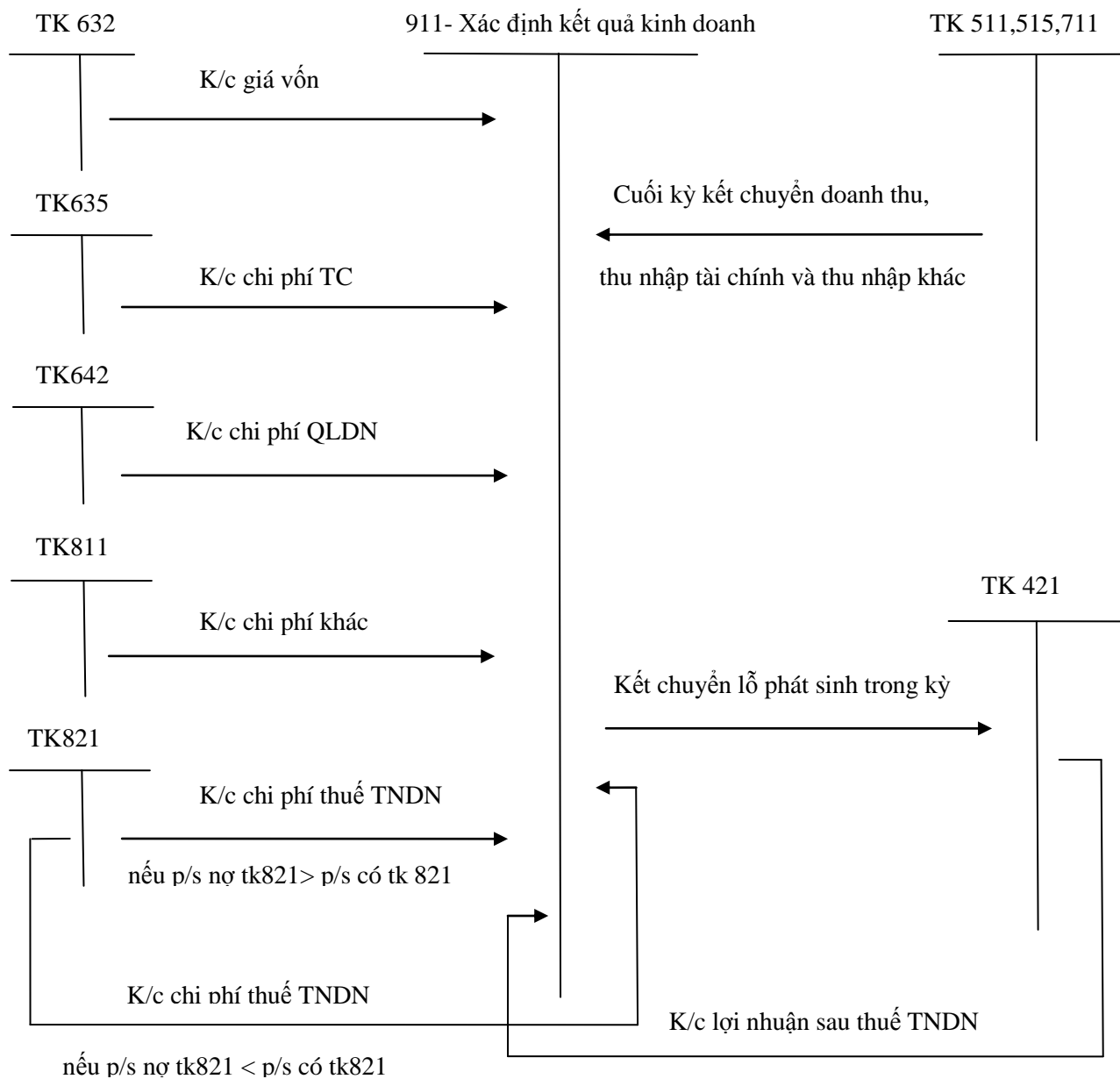
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN.

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.8.3. Phương pháp kế toán.

Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

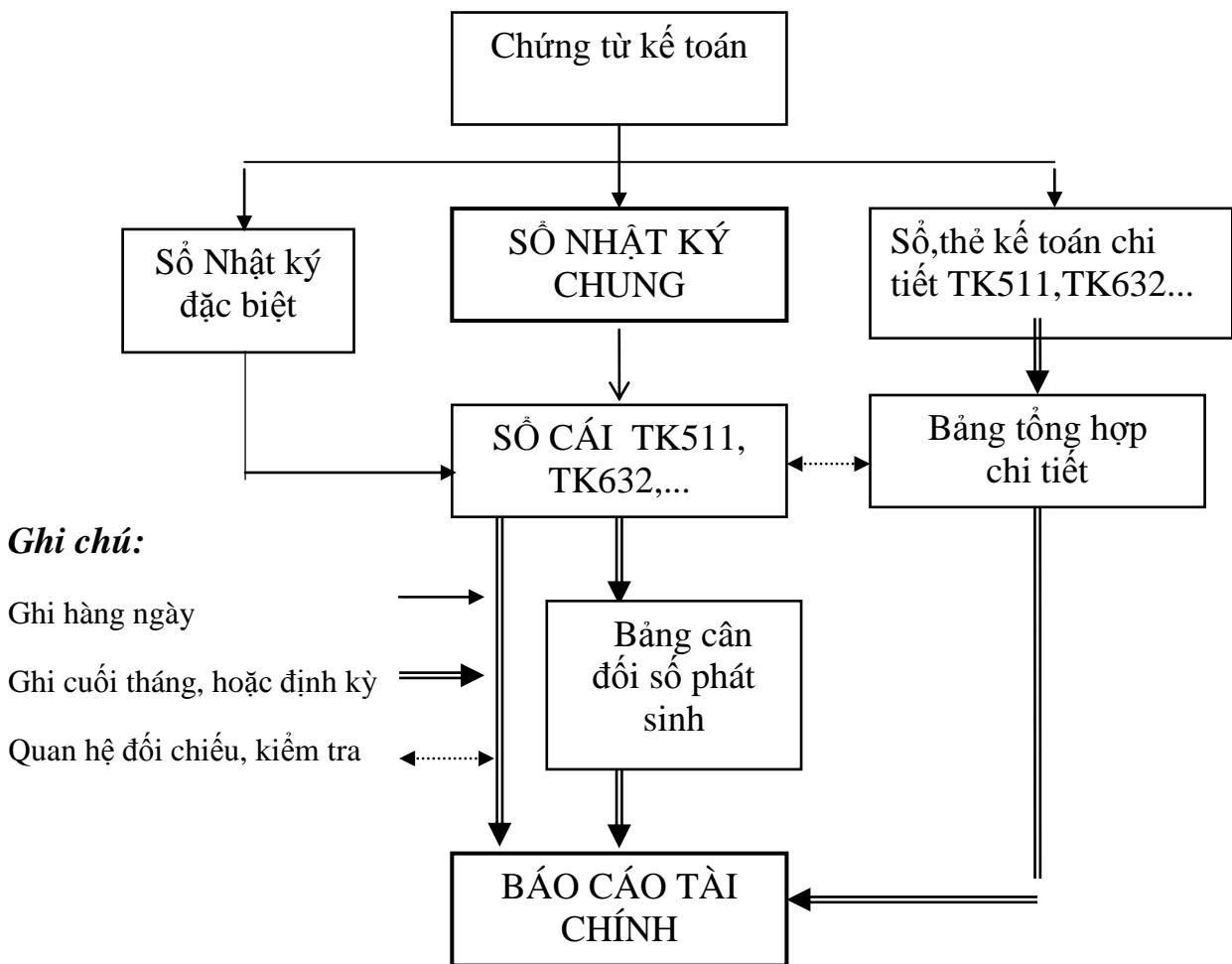
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ 1.9



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9 – Hình thức kế toán nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

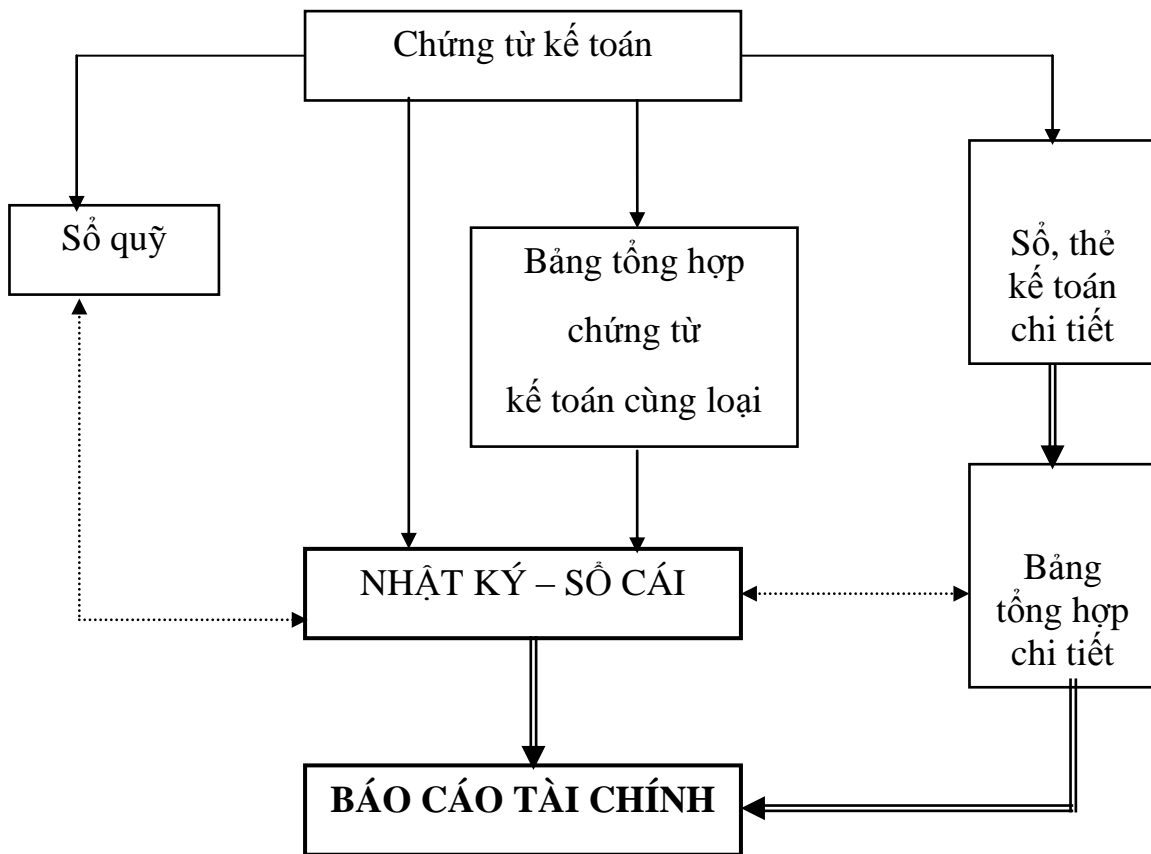
✚ Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✚ Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ 1.10



Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.11:

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

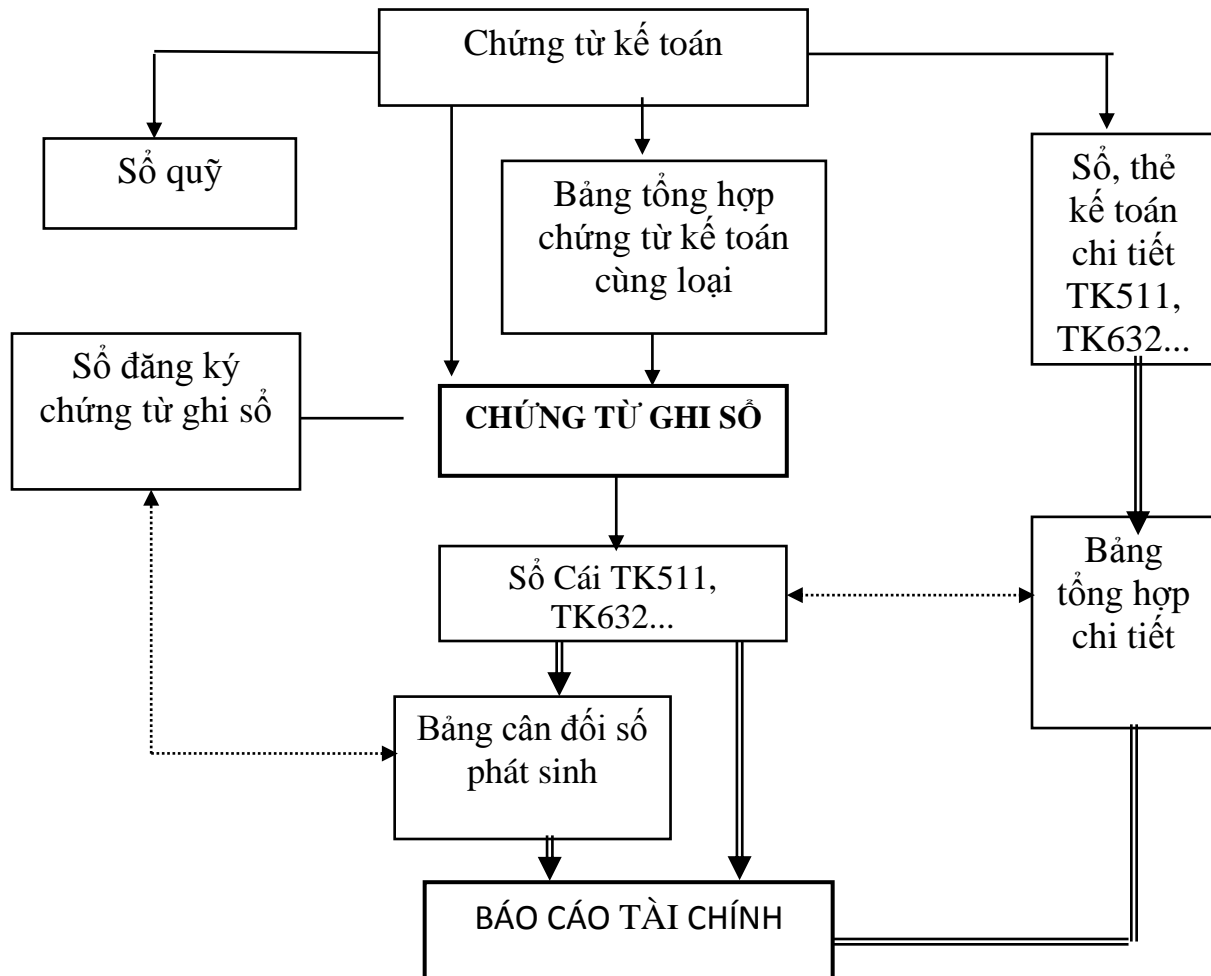
Đặc trưng cơ bản:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;

- Sổ cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- 📌 Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.12:



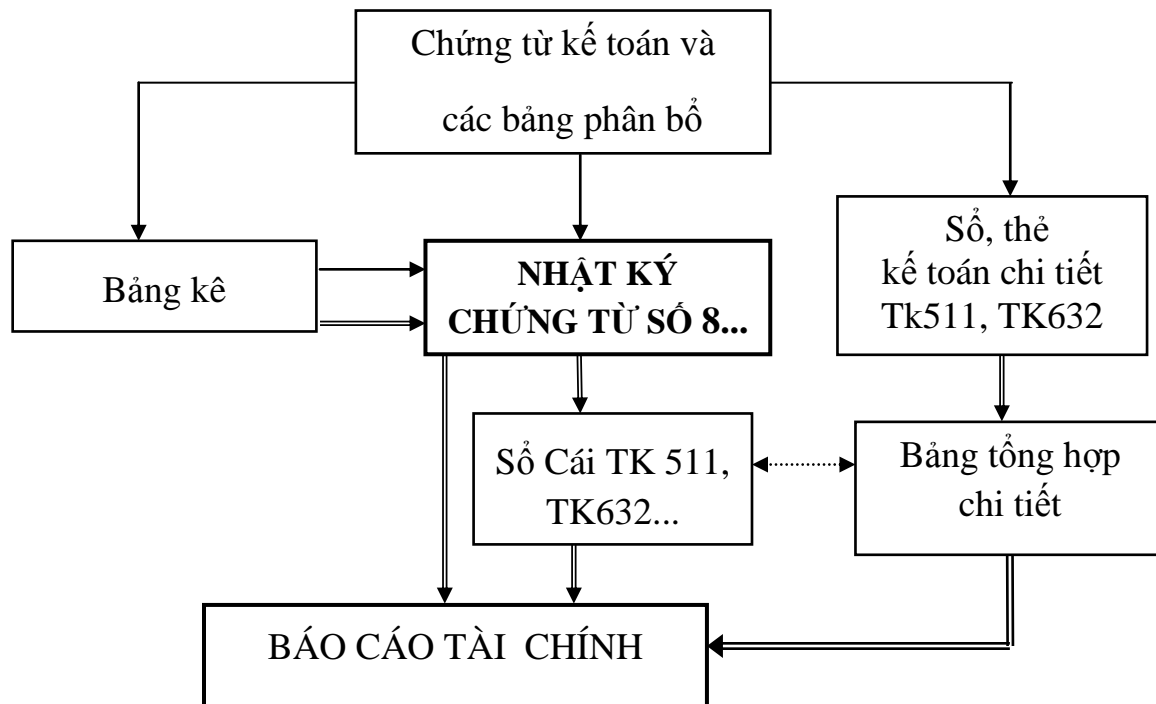
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->



Sơ đồ 1.12 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

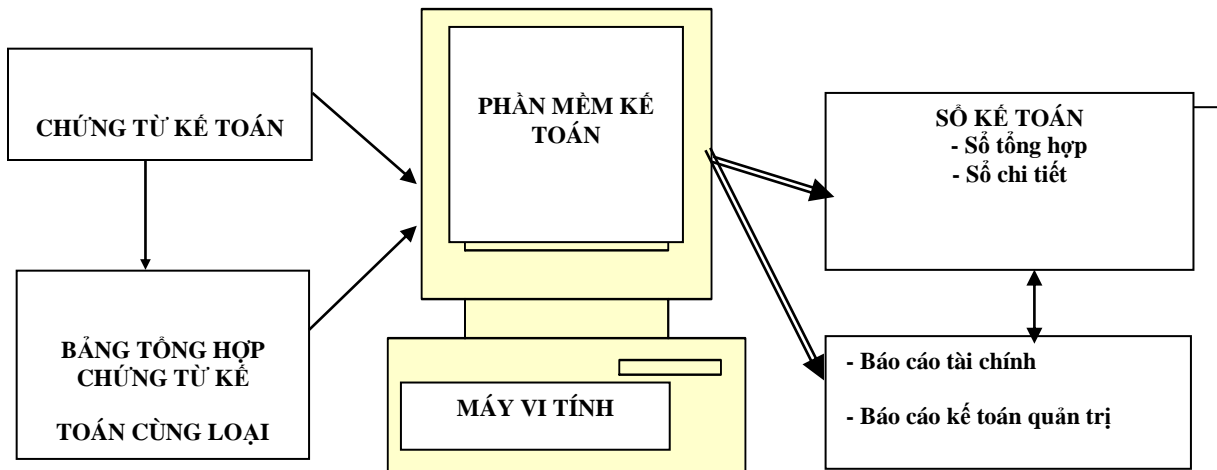
✚ Đặc trưng cơ bản:

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.13:



Sơ đồ 1.13 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại Đông Á.

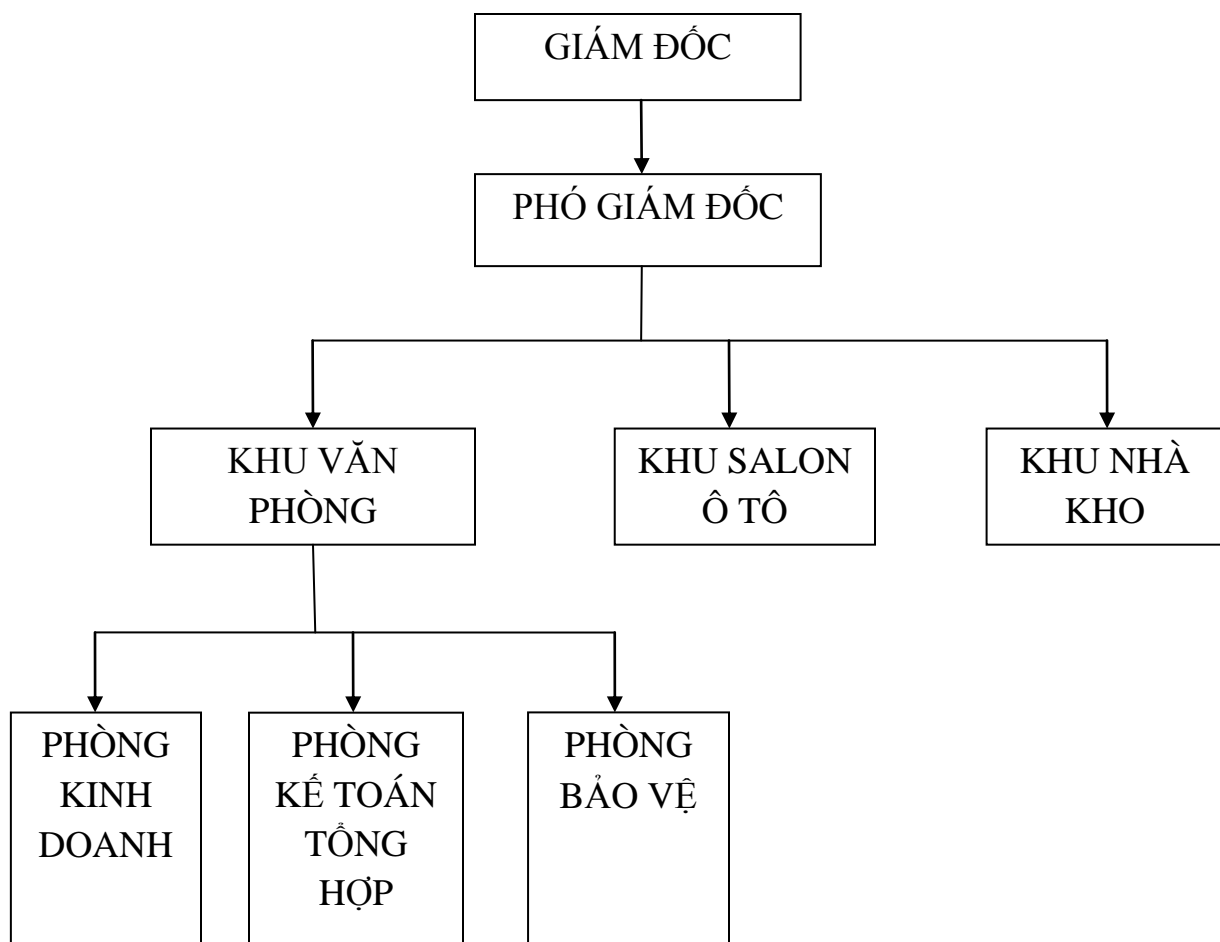
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại Đông Á.

- Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH thương mại Đông Á.
- Tên giao dịch quốc tế: : DONG A TRADING COMPANY LIMITED.
- Tên công ty viết tắt : DONG A TRADICO.
- Địa chỉ trụ sở văn phòng : Số 51A Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền , thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313.501268
- Fax: 0313.528859
- Mã số thuế: 0200639795.
- Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.
- Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Công ty TNHH thương mại Đông Á chính thức được thành lập và đi vào kinh doanh từ ngày 26 tháng 07 năm 2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0202002842.
- ✚ Ngành nghề kinh doanh đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh:
 - + Kinh doanh thiết bị, phụ tùng, thiết bị cơ điện, điện tử , điện lạnh, điện dân dụng, hàng kim khí, nhựa.
 - + Buôn bán xuất nhập khẩu ô tô.
 - + Sản xuất thiết bị điện lạnh, điện gia dụng.
 - + Dịch vụ bảo hành sửa chữa điện lạnh.
- Công ty TNHH thương mại Đông Á thời gian đầu đi vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có doanh thu nhưng vì doanh thu không đủ bù đắp chi phí nên đã không có lợi nhuận, mà ngược lại lợi nhuận còn âm.

- Qua 5 năm hoạt động công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, với lĩnh vực kinh doanh ô tô đã đem lại cho công ty nhiều lợi nhuận. Cụ thể là từ năm 2007 trở về sau, Công ty bắt đầu có lợi nhuận và lợi nhuận dần tăng cao trong các năm tiếp theo. Từ đó đến nay đây là ngành hàng kinh doanh chính của công ty.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Đông Á được khái quát bằng sơ đồ 2.1.



Sơ đồ 2.1 – Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH TM Đông Á

☞ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

➤ **Giám đốc:**

- Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, chịu trách nhiệm trước mọi hoạt động kinh doanh trong công ty. Giám đốc ngoài ủy quyền cho phó giám đốc còn trực tiếp chỉ huy bộ máy công ty thông qua các phòng ban.

➤ **Phó giám đốc:**

- Giúp việc cho giám đốc, phụ trách kiểm soát hoạt động các khu và có trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý nguồn hàng vào và ra của công ty.

➤ **Khu văn phòng:**

Gồm các phòng ban trong công ty như phòng kinh doanh, phòng kế toán, phòng bảo vệ. Mỗi một phòng ban đều đảm nhiệm những chức năng nhất định đảm bảo cho công ty hoạt động tốt nhất.

- Phòng kinh doanh:

- Tham mưu về lĩnh vực kinh doanh và quan hệ quốc tế với mục tiêu tăng cường hợp tác kinh doanh phục vụ phát triển mở rộng công ty.
- Thu thập số liệu và thông tin từ các kênh phân phối trên thị trường để phát hiện ra các vấn đề, từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời để tăng doanh số bán ra cho công ty.
- Tìm kiếm đối tác, nguồn khách hàng mới cho công ty, thiết lập mối quan hệ với bạn hàng trong và ngoài nước.
- Tìm hiểu nhu cầu của thị trường, dự báo tình hình thị trường để đề xuất những kế hoạch, cùng Ban giám đốc đưa ra những chiến lược thích hợp cho từng thời kỳ.

- Phòng kế toán

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của công ty.
- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán linh hoạt, gọn nhẹ làm việc có hiệu quả trong phạm vi toàn công ty phù hợp với mô hình tổ chức kinh doanh.
- Theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách trung thực, đầy đủ, kịp thời trong quá trình hoạt động kinh doanh. Tính toán và trích nộp đầy

đủ các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả...

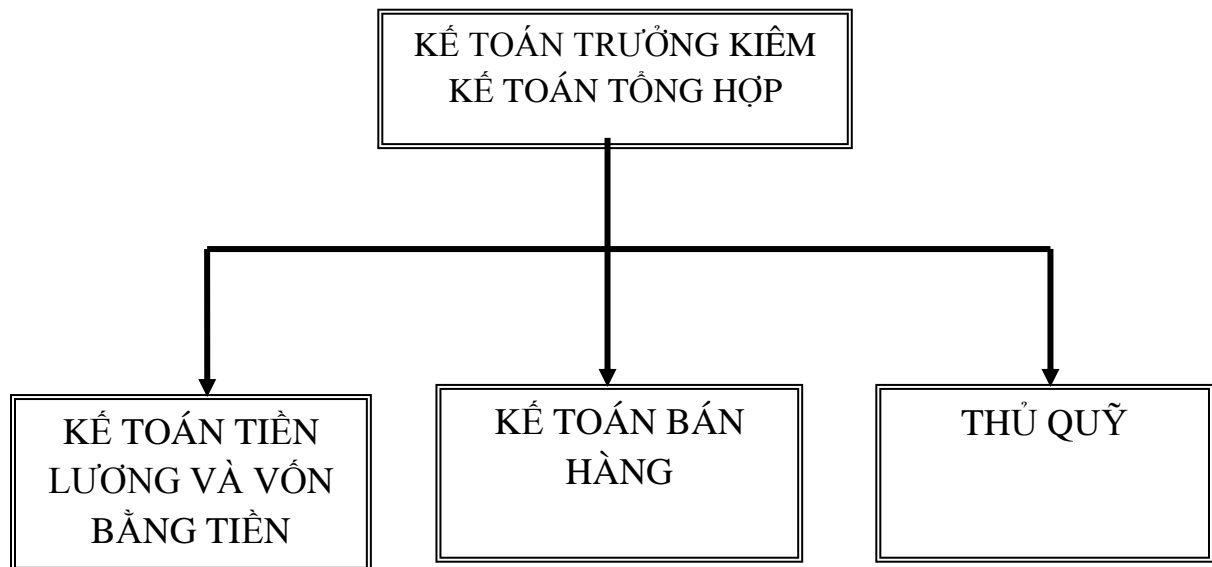
- Tổng hợp các số liệu báo cáo tài chính, cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng theo chế độ quy định.
- Phân tích hoạt động kinh tế nhằm đánh giá đúng đắn tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tổ chức quản lý, lưu trữ, giữ gìn các bí mật, tài liệu kế toán.
 - Phòng bảo vệ:
- Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản của công ty, thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy.

➤ **Khu salon ô tô:** Nơi trưng bày các mẫu xe giới thiệu cho khách hàng.

➤ **Khu nhà kho:** Đây là nơi bảo quản các loại xe ô tô khi nhập về.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2 – Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM Đông Á

❖ Theo như mô hình trên thì công tác lập Báo cáo tài chính kế toán được thực hiện hợp nhất tại phòng Kế toán tổng hợp.

+ **Kế toán trưởng**: Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

+ **Kế toán bán hàng**: Theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hoá, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất, tồn kho hàng hoá.

+ **Kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương**: Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định, thanh toán số lương phải trả cho từng người.

+ **Thủ quỹ**: Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.

✓ Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty khá chặt chẽ, mỗi nhân viên có chức năng nhiệm vụ riêng và có quan hệ chặt chẽ để hoàn thành công việc chung của phòng.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.

Công ty TNHH thương mại Đông Á tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

Công ty TNHH thương mại Đông Á tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện nay Công ty TNHH thương mại Đông Á áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung ” và làm kế toán trên excel.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

- Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ tài chính ban hành, kì lập báo cáo là năm.

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 –DNN).
- Báo cáo kết quả hoạt động kinhdoanh (Mẫu số B02-DNN).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN).
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN).

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo thuế,

2.1.3.6. Các chính sách và phương pháp kế toán công ty TNHH thương mại Đông Á áp dụng.

- + Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- + Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng.
- + Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc.
- + Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- + Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- + Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- + Hàng quý, năm kế toán kế toán lập báo cáo tổng hợp.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.

2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH thương mại Đông Á.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại Công ty.

- **Đặc điểm sản phẩm.**

Hiện nay công ty đang kinh doanh ô tô 05 chỗ đã qua sử dụng hoặc mới hoàn toàn có giá thuộc tầm trung như Kia Morning slx, Rio M/T 4 cửa, Kia Morning 1.1 MT/ TLX, Hyundai verna viva 1.4 M/T và một số xe có giá cao hơn như Hyundai Tucson lx, Kia sportage tlx....

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay đây là loại mặt hàng cần thiết có thị trường tiêu thụ cũng như khách hàng tiềm năng lớn. Tuy nhiên mặt hàng này lại chịu sự tác động lớn của nền kinh tế (biến động của thị trường trong nước và quốc tế...); luật pháp của nước ta, nước xuất khẩu và quốc tế cũng như thị hiếu của khách hàng.

- **Phương thức thanh toán.**

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt với những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán chậm: Khách hàng có thể thanh toán sau 1 hoặc 2 tháng.

- Theo hình thức này khách hàng đến mua hàng tại cửa hàng với giá cả do cửa hàng đã niêm yết trên mỗi sản phẩm. Thời điểm xác định là tiêu thụ là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng. Do giá cả cho mỗi chiếc xe rất lớn nên việc thanh toán được chủ yếu thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Khi bên mua nhận được chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- **Chứng từ sử dụng**

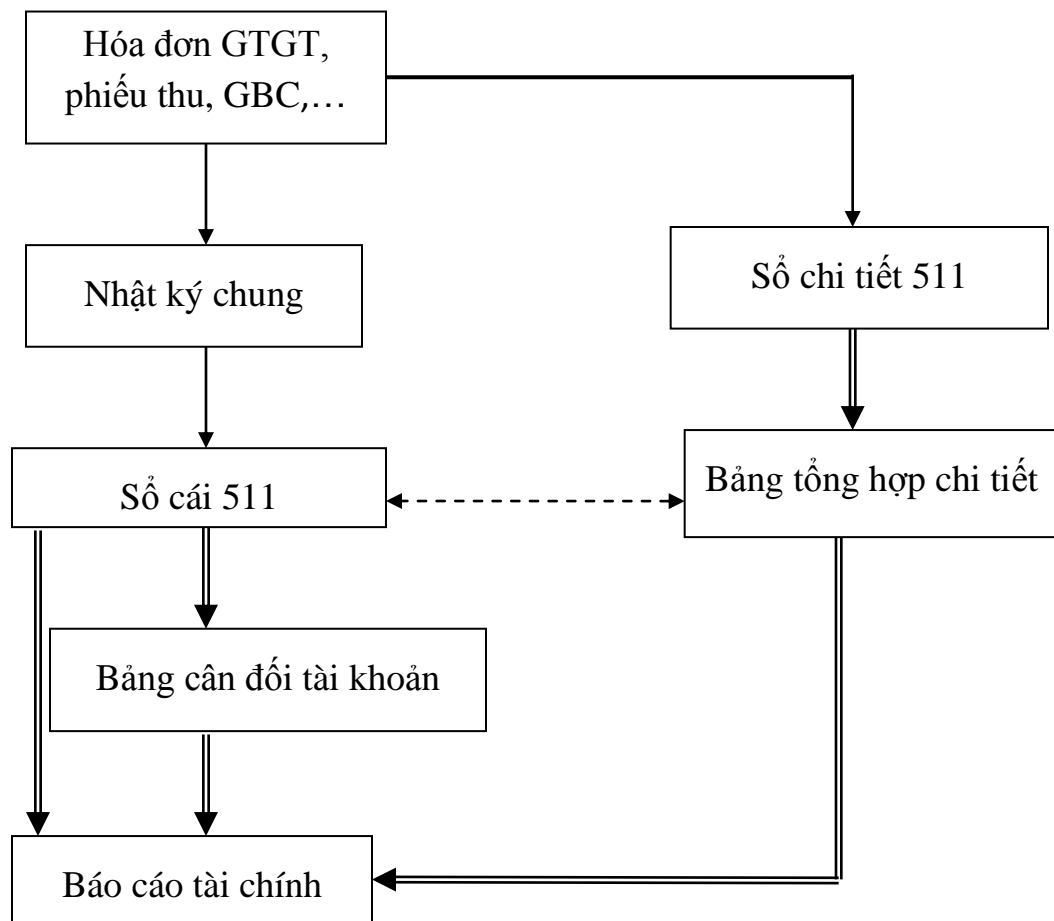
- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Sổ phụ của ngân hàng và giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

- Tk 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.1.3. Quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

✚ Quy trình kế toán của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.3



Sơ đồ 2.3 – Quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH TM Đông Á

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- ←-----→ Đoi chiếu số liệu cuối kỳ

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK511. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 511.
- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

❖ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2011

- Ngày 01/12 bán cho ông Phạm Như Hoàng 01 xe 05 chỗ hiệu kia morning 1.1 MT/ TLX, năm sản xuất 2010, hàng trong nước, khách hàng chưa trả tiền.
 - Ngày 18/12 bán cho Công ty cổ phần xây lắp Hải Long 01 xe 05 chỗ hiệu Daewoo lacetti se, năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu, khách hàng chưa trả tiền.
- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0089428, số 0089429 (*biểu số 2.1a, biểu số 2.1b*) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

+ HĐ 0089428	Nợ TK131: 269.000.000
	Có TK511: 269.090.909
	Có TK3331: 26.909.091
+ HĐ 0089429	Nợ TK131: 518.000.000
	Có TK511: 470.909.091
	Có TK3331: 47.090.909
 - Từ hóa đơn GTGT số 0089428, số 0089429 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.4*), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK511(*biểu số 2.2a, biểu số 2.2b*)
 - + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511(*biểu số 2.5*)
 - Căn cứ vào sổ chi tiết TK511 cuối quý kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết TK511 (*biểu số 2.3*)

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: TT/11P

Liên 3: Nội bộ

Số: 0089428

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Đông Á					
Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản: 701270406000465					
Điện thoại: 0313.501268			MS: 0200639795		
Họ tên người mua hàng: Phạm Như Hoàng					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: 35 Lạch tray – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			MS:		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe 05 chỗ kia morning 1.1 MT/ TLX, năm sản xuất 2010, hàng trong nước.	Chiếc	1	269.090.909	269.090.909
Cộng tiền hàng:					269.090.909
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		26.909.091
Tổng cộng tiền thanh toán:					296.000.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn./					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.1a – Hóa đơn GTGT số 0089428

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: TT/11P

Liên 3: Nội bộ

Số: 0089429

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Đông Á Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: 701270406000465 Điện thoại: 0313.501268 MS: 0200639795					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây lắp Hải Long Địa chỉ: 97 Bạch Đằng - Hồng Bàng – Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK MS: 0200372213					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe 05 chỗ hiệu Daewoo lacetti se, năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu.	Chiếc	1	470.909.091	470.909.091
Cộng tiền hàng:					470.909.091
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		47.090.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					518.000.000
Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu đồng chẵn./					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.1b – Hóa đơn GTGT số 0089429

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

TK: 511

Tên sản phẩm: Kia morning 1.1 MT/ TLX, năm sản xuất 2010, hàng trong nước (KM TLX 2010)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
HĐ0089428	01/12	Bán xe cho Phạm Như Hoàng	131	01	269.090.909	269.090.909		
		Cộng		01	269.090.909	269.090.909		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2a – Sổ chi tiết bán hàng (mã sản phẩm KM TLX 2010)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

TK: 511

Tên sản phẩm: Daewoo lacetti se, năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu (DWSE 2010)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
HĐ0089429	18/12	Bán xe cho Công ty CP xây lắp Hải Long	131	01	470.909.091	470.909.091		
		Cộng		01	470.909.091	470.909.091		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2b – Sổ chi tiết bán hàng (mã sản phẩm DWSE 2010)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên sản phẩm	Mã SP	Đơn vị tính	Doanh thu		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe Kia morning slx năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	KM SLX 2010	Chiếc	01	372.727.273	372.727.273
2	Xe Hyundai Verna viva 1.4L năm sản xuất 2010, hàng trong nước	HDVV 2010	Chiếc	01	400.000.000	400.000.000
3	Xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.6L năm sản xuất 2011, hàng nhập khẩu	DL CDX1.6 2011	Chiếc	01	595.454.546	595.454.546
4	Xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.8L năm sản xuất 2011, hàng nhập khẩu	DL CDX1.8 2011	Chiếc	02	618.181.818	1.236.363.636
5	Xe kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước	KM TLX 2010	Chiếc	01	269.090.909	269.090.909
6	Xe Deawoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	DWSE 2010	Chiếc	01	470.909.091	470.909.091
	Tổng Cộng			07		3.344.545.455

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3 – Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng quý IV

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		
01/12	PX28	01/12	Xuất kho bán xe kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước	632 156	250.545.454	250.545.454
01/12	HĐ 0089428	01/12	Bán xe cho Ông Phạm Như Hoàng	131	296.000.000	
			Doanh thu bán xe	511		269.090.909
			VAT đầu ra	3331		26.909.091
05/12	HĐ 0056193	05/12	Phí D/O,vệ sinh, phí tác nghẽn tại Công ty TNHH DV Tiên Phong	642 133 111	2.541.500 254.150	2.795.650
09/12	GBN65	09/12	HQH rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111 112	600.000.000	600.000.000
10/12	GBN66	10/12	Trả tiền lãi vay dài hạn	635 112	12.500.000	12.500.000
12/12	GBN67	12/12	Phí dịch vụ kiểm đếm	635 112	165.000	165.000
13/12	GBC37	13/12	Quách Tiến Sơn thanh toán tiền hàng	112 131	680.000.000	680.000.000
					
18/12	PX29	18/12	Xuất kho bán xe Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	632 156	440.910.707	440.910.707
18/12	HĐ 0089429	18/12	Bán xe cho Công ty CP xây lắp Hải Long	131	518.000.000	
			Doanh thu bán xe	511		470.909.091
			VAT đầu ra	3331		47.090.909
					
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu TK: 511

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		
14/11	HĐ0089426	14/11	Bán xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.6L, năm sản xuất 2011, hàng nhập khẩu cho Nguyễn Văn Cương	131		595.454.546
22/11	HĐ0089427	22/11	Bán xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.8L, năm sản xuất 2011, hàng nhập khẩu cho Đào Xuân Tam	131		618.181.818
01/12	HĐ0089428	01/12	Bán xe kia morning 1.1 MT/ TLX, năm sản xuất 2010, hàng trong nước cho Phạm Như Hoàng	131		269.090.909
18/12	HĐ0089429	18/12	Bán xe Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu cho Công ty xây lắp Hải Long	131		470.909.091
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu bh & ccdv quý IV	911	3.344.545.455	
			Cộng số phát sinh		3.344.545.455	3.344.545.455

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Biểu số 2.5 – Sổ cái TK511 (trích)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại Đông Á.

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả.


Hàng hoá của công ty được nhập từ hai nguồn khác nhau đó là nguồn hàng nhập khẩu và nguồn hàng trong nước. Công ty nhập khẩu các dòng ô tô xuất xứ từ Hàn Quốc.

Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó nếu không phản ánh đúng giá trị vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}$$

$$\text{Giá trị xuất} = \text{Đơn giá xuất} \times \text{Số lượng xuất}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

 Quy định về ghi nhận giá vốn:

- Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm bán trong kỳ.
- Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc: khi phát sinh một khoản doanh thu bán thành phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của hàng hóa đó.
- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

 **Chứng từ kế toán sử dụng**

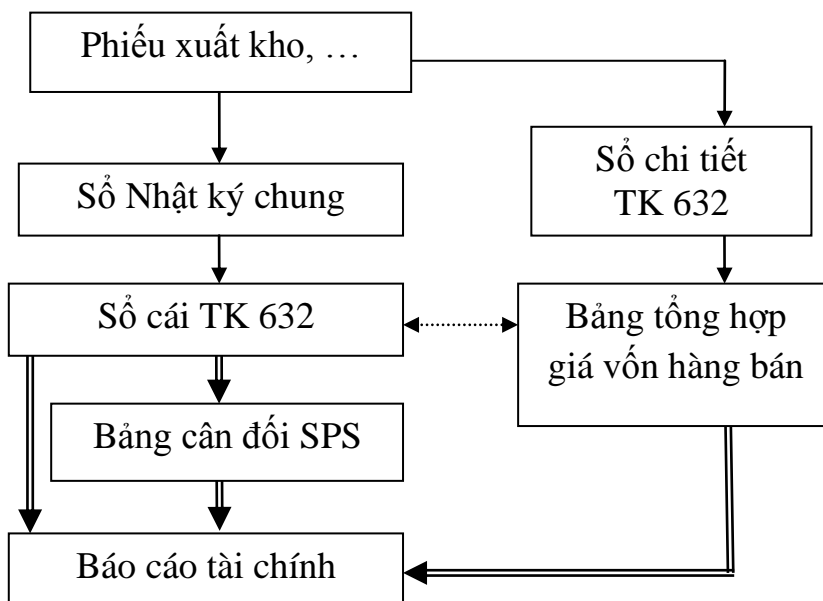
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 632- Giá vốn hàng bán.
- TK 156- Hàng hóa.

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH thương mại Đông Á

Quy trình kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH thương mại Đông Á được khái quát bằng **sơ đồ 2.4**



Sơ đồ 2.4 – Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM Đông Á

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối năm: ⇒

Quan hệ đối chiếu: <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK632. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK632.

- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

❖ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2011.

- Ngày 01/12 xuất kho bán cho ông Phạm Như Hoàng 01 xe 05 chỗ hiệu kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước, người mua chưa trả tiền.
 - Ngày 18/12 xuất kho bán cho Công ty Cổ phần xây lắp Hải Long 01 xe 05 chỗ hiệu Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu, người mua chưa trả tiền.
- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 28 và phiếu xuất kho 29 (*biểu số 2.6a, biểu số 2.6b*) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:
- | | |
|--------|-----------------------|
| PXK 28 | Nợ TK632: 250.545.454 |
| | Có TK156: 250.545.454 |
| PXK 29 | Nợ TK632: 440.910.707 |
| | Có TK156: 440.910.707 |
- Từ PXK số 28 và PXK số 29 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.9*), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 632 (*biểu số 2.7a, biểu số 2.7b*).
- + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (*biểu số 2.10*).
- Cuối quý, căn cứ vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (*biểu số 2.8*).

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01/12/2011

Số CT: 28

TK nợ: 632
TK có: 156

Họ tên người nhận hàng: Trần Văn Thắng

Diễn giải: Xuất bán hàng hóa cho ông Phạm Như Hoàng

Xuất tại kho: Hàng hóa

Địa điểm kho: Số 48 - Đường Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe 05 chỗ kia morning 1.1 MT/TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước	KM TLX 2010	Chiếc	01	01	250.545.454	250.545.454
	Cộng						250.545.454

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi tư đồng/.

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....01.....

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6a – Phiếu xuất kho số 28

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18/12/2011

Số CT: 29

TK nợ: 632
TK có: 156

Họ tên người nhận hàng: Trần Văn Thắng

Diễn giải: xuất bán hàng hóa cho Công ty CP xây lắp Hải Long

Xuất tại kho: hàng hóa

Địa điểm: Số 48 - Đường Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe 05 chỗ Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	DWSE 2010	Chiếc	01	01	440.910.707	440.910.707
	Cộng						440.910.707

Bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi triệu chín trăm mười nghìn bảy trăm linh bảy đồng/.*

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....01.....

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6b – Phiếu xuất kho số 29

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên sản phẩm: **Kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước (KM TLX 2010)**

TK: 632

Đơn vị : Đồng

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>		
<i>SH</i>	<i>NT</i>			<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
PX28	01/12	Bán cho ông Phạm Như Hoàng	131	01	250.545.454	250.545.454
		Cộng		01		250.545.454

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7a – Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (mã sản phẩm KM TLX 2010)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên sản phẩm: Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu (DWSE 2010)

TK: 632

Đơn vị : Đồng

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>		
<i>SH</i>	<i>NT</i>			<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
PX29	18/12	Bán cho Công ty cổ phần xây lắp Hải Long	131	01	440.910.707	440.910.707
		<i>Cộng</i>		<i>01</i>		<i>440.910.707</i>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7b – Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (mã sản phẩm DWSE 2010)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên sản phẩm	Mã SP	Đơn vị tính	Giá vốn			Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Xe Kia morning slx năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	KM SLX 2010	Chiếc	01	346.537.402	346.537.402	
2	Xe Hyundai Verna viva 1.4L năm sản xuất 2010, hàng trong nước	HDVV 2010	Chiếc	01	383.182.818	383.182.818	
3	Xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.6L năm sản xuất 2011, hàng nhập khẩu	DL CDX1.6 2011	Chiếc	01	565.909.076	565.909.076	
4	Xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.8L năm sản xuất 2011 hàng nhập khẩu	DL CDX1.8 2011	Chiếc	02	577.638.320	1.155.275.640	
5	Xe kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước	KM TLX 2010	Chiếc	01	250.545.454	250.545.454	
6	Xe Deawoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	DWSE 2010	Chiếc	01	440.910.707	440.910.707	
	Tổng Cộng			07		3.142.362.097	

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng

Biểu số 2.8 – Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán quý IV

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....		
01/12	PX28	01/12	Xuất kho bán xe kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước	632 156	250.545.454	250.545.454
01/12	HĐ 0089428	01/12	Bán xe cho Ông Phạm Như Hoàng	131	296.000.000	
			Doanh thu bán xe	511		269.090.909
			VAT đầu ra	3331		26.909.091
05/12	HĐ 0032135	05/12	Phí lưu bãi tại xí nghiệp cảng Vicoship	642	1.503.000	
			VAT đầu vào	133	150.300	
				111		1.653.300
09/12	GBN65	09/12	HQH rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111 112	600.000.000	600.000.000
10/12	GBN66	10/12	Trả lãi tiền vay dài hạn	635 112	12.500.000	12.500.000
.....		
18/12	PX29	18/12	Xuất kho bán xe Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu	632 156	440.910.707	440.910.707
18/12	HĐ 0089429	18/12	Bán xe cho công ty CP xây lắp Hải Long	131	518.000.000	
			Doanh thu bán xe	511		470.909.091
			VAT đầu ra	3331		47.090.909
		
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		
14/11	PX26	14/11	Bán xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.6L năm sản xuất 2011 hàng nhập khẩu cho Nguyễn Văn Cường	156	565.909.076	
22/11	PX27	22/11	Bán xe Daewoo lacetti cdx, DT 1.8L năm sản xuất 2011 hàng nhập khẩu cho Đào Xuân Tam	156	577.638.320	
01/12	PX28	01/12	Bán xe kia morning 1.1 MT/ TLX năm sản xuất 2010, hàng trong nước cho Phạm Như Hoàng	156	250.545.454	
18/12	PX29	18/12	Bán xe Daewoo lacetti se năm sản xuất 2010, hàng nhập khẩu cho Công ty Cp xây lắp Hải Long	156	440.910.707	
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển GVHB Quý IV	911		3.142.362.097
			Cộng số phát sinh		3.142.362.097	3.142.362.097

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10 – Sổ cái TK 632 (trích)

2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh cũng như bán hàng của Công ty. Chi phí quản lý kinh doanh dù cao hay thấp cũng đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý kinh doanh để góp phần làm tăng lợi nhuận.

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

✚ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.3. Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

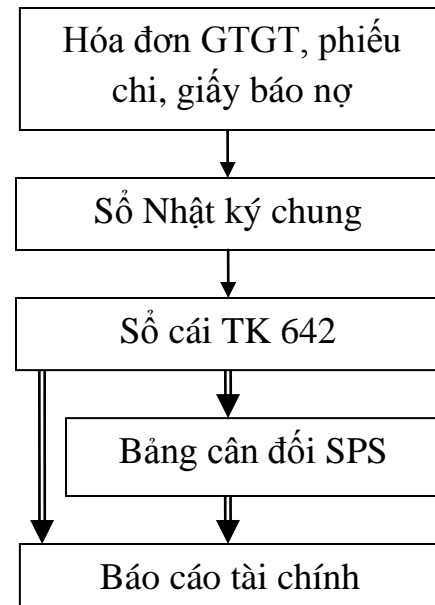
Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á được khái quát bằng sơ đồ 2.5

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), phiếu chi, bảng thanh toán lương,...kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung.
- Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642
- Cuối quý, năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối năm: ⇒



Sơ đồ 2.5 - Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á

❖ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2011.

- Ngày 05/12 phát sinh nghiệp vụ nộp tiền phí D/O, vệ sinh Cont 40', phí tắc nghẽn cho công ty TNHH dịch vụ Tiên Phong, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0056193 (biểu số 2.11) và phiếu chi số 101 (biểu số 2.12), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK642: 2.541.500

Nợ TK133 : 254.150

Có TK 111: 2.795.650

- Từ hóa đơn GTGT số 0056193 và phiếu chi số 101 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14).

- Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.15).

- Ngày 31/12/2011 phát sinh nghiệp vụ xác định lương nhân viên tháng 12

- Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 12 (biểu số 2.13), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK642: 30.000.000

Có TK334: 30.000.000

- Căn cứ vào bảng TTL tháng 12 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.15).

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01 GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RN/2011B																
Liên 2:Giao khách hàng			0056193																
Ngày 05 tháng 12 năm 2011																			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH DV Tiên Phong																			
Địa chỉ: Số 3 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại: 031.3551027.....MS:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	2	7	4	1	7	4				
0	2	0	0	2	7	4	1	7	4										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Cty TNHH Thương mại Đông Á																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: TM																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	3	9	7	9	5				
0	2	0	0	6	3	9	7	9	5										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Phí D/O	BL	1.000	488.750	488.750														
2	Vệ sinh Cont 40'	DV	1.000	97.750	97.750														
3	Phí tắc nghẽn (CIC)	CBM	1.000	1.955.000	1.955.000														
Cộng tiền hàng:					2.541.500														
Thuế GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	254.150														
Tổng cộng tiền thanh toán					2.795.650														
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi đồng chẵn./																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

Biểu số 2.11 – Hóa đơn GTGT số 0056193

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

Phiếu Chi

Số: HĐ 0056193

Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 06

Nợ 642: 2.542.500

Nợ 133: 254.150

Có 111: 2.795.650

Họ tên người nhận tiền: Trần Văn Thắng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền phí D/O, vệ sinh, phí tắc nghẽn cho công ty TNHH DV Tiên Phong

Số tiền : 2.795.650

Bằng chữ: *Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi đồng chẵn./*

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ 0056193

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi đồng chẵn./*

Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (ký,họ tên)	Kế toán trưởng (ký,họ tên)	Người lập biểu (ký,họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký,họ tên)
--------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	---	-------------------------------

Biểu số 2.12 – Phiếu chi PC101

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản trích trừ vào lương				Thực lĩnh
						BH XH	BH YT	BH TN	Cộng	
1	Hoàng Quốc Hoàn	GĐ	3.000.000	1.000.000	4.000.000	-	-	-	-	4.000.000
2	Ngô Ngọc Bằng Xuân	PGĐ	2.700.000	800.000	3.500.000	-	-	-	-	3.500.000
3	Ngô Thị Tâm	KTT	2.400.000	600.000	3.000.000	-	-	-	-	3.000.000
4	Phạm Thị Mai	TQ	1.800.000	500.000	2.300.000	-	-	-	-	2.300.000
5	Nguyễn Văn Đông	KT	1.800.000	500.000	2.300.000	-	-	-	-	2.300.000

9	Trần Văn Thắng	NVBH	1.700.000	500.000	2.200.000	-	-	-	-	2.200.000
10	Mai Thị Hương	NVKD	1.700.000	500.000	2.200.000	-	-	-	-	2.200.000
11	Đào Xuân Tam	Bảo Vệ	1.500.000	400.000	1.900.000	-	-	-	-	1.900.000
12	Nguyễn Văn Tuấn	Bảo vệ	1.500.000	400.000	1.900.000	-	-	-	-	1.900.000
	Tổng Cộng		23.300.000	6.700.000	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi triệu đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 2.13 – Bảng thanh toán lương tháng 12

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
05/12	HĐ 0032135	05/12	Phí lưu bãi tại xí nghiệp cảng Vicoship	642 133 111	1.503.000 150.300	1.653.300
05/12	HĐ 0032136	05/12	Phí bốc xếp tại xí nghiệp cảng Vicoship	642 133 111	800.000 80.000	880.000
05/12	HĐ 0056193	05/12	Phí D/O, vệ sinh, phí tắc nghẽn tại Công ty TNHH DV Tiên Phong	642 133 111	2.541.500 254.150	2.795.650
09/12	GBN65	09/12	Hoàng Quốc Hoàn rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	600.000.000	600.000.000
10/12	GBN66	10/12	Trả tiền lãi vay dài hạn	635 112	12.500.000	12.500.000
12/12	GBN67	12/12	Phí dịch vụ kiểm đếm	635 112	165.000	165.000
13/12	GBC37	13/12	Quách Tiến Sơn thanh toán tiền xe	112 131	680.000.000	680.000.000
					
25/12	PC 110	25/12	Chi họp tổng kết	642 111	1.200.000	1.200.000
31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên tháng 12	642 334	30.000.000	30.000.000
31/12	PC111	31/12	Trả lương nhân viên T12	334 111	30.000.000	30.000.000
					
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK : 642

Đơn vị tính : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
					
05/12	HĐ 0032135	05/12	Phí lưu bãi tại xí nghiệp cảng Vicoship	111	1.503.000	
05/12	HĐ 0032136	05/12	Phí bốc xếp tại xí nghiệp cảng Vicoship	111	800.000	
05/12	HĐ 0056193	05/12	Phí D/O, vệ sinh, phí tắc nghẽn tại Công ty TNHH DV Tiên phong	111	2.541.500	
20/12	PC103	20/12	Trả tiền cước dịch vụ viễn thông tại văn phòng	111	935.324	
20/12	PC104	20/12	Trả tiền điện tại văn phòng	111	589.545	
					
24/12	PC109	24/12	Phô tô, công chứng	111	112.000	
25/12	PC110	25/12	Chi hợp tổng kết	111	1.200.000	
31/12	BTTLT12	31/12	Lương nhân viên T12	3334	30.000.000	
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển CF QLKD Quý IV	911		130.506.500
			Cộng số phát sinh		130.506.500	130.506.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15 – Sổ cái TK 642 (trích)

2.2.4. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào việc bán ô tô, Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

✚ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

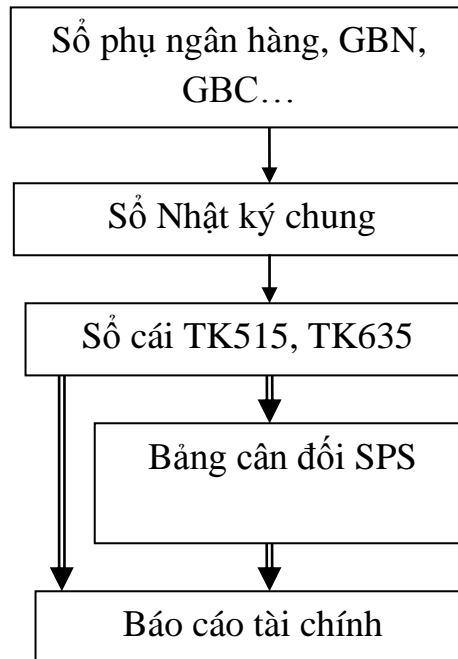
✚ Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.6

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515, 635,...
- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.6 - Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH TM Đông Á

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒

❖ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2011.

- Ngày 31/12/2011 ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trả lãi tiền gửi, số tiền 387.425 đồng.
- Căn cứ vào GBC số 49 (biểu số 2.16) và sổ phụ ngân hàng (biểu số 2.17), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK112: 387.425

Có TK515: 387.425

- Từ SPNH và GBC số 49 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.18).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.19)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/10	GBC42	31/10	Ngân hàng VIB trả lãi tiền gửi	112 515	356.723	356.723
.....
25/12	PC110	25/12	Chi hợp tổng kết	642 111	1.200.000	1.200.000
31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên T12/2011	642 334	30.000.000	30.000.000
31/12	PC 111	31/12	Trả lương nhân viên	334 111	30.000.000	30.000.000
31/12	GBC49	31/12	Ngân hàng VIB trả lãi tiền gửi	112 515	387.425	387.425
31/12	GBN70	31/12	Phí tiền gửi ở VIB	635 112	30.000	30.000
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu TK: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/10	GBC42	31/10	Thu từ tiền gửi ngân hàng	112		356.723
...
31/12	GBC49	31/12	Thu từ tiền gửi ngân hàng	112		387.425
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC Quý IV	911	1.195.422	
			Cộng số phát sinh		1.195.422	1.195.422

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 – Sổ cái TK 515 (trích)

- Ngày 31/12/2011, Công ty trả tiền lãi vay dài hạn cho ngân hàng TMCP Quốc tế VIB số tiền 12.500.000.
- Căn cứ vào GBN số 66 (biểu số 2.20) và sổ phụ ngân hàng (biểu số 2.21), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:
 Nợ TK635: 12.500.000
 Có TK112: 12.500.000
- Từ SPNH và GBN số 66 trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.22).
 + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 635 (biểu số 2.23).

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		
09/12	GBN65	09/12	Hoàng Quốc Hoàn rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	600.000.000	600.000.000
10/12	GBN66	10/12	Trả lãi tiền vay dài hạn	635 112	12.500.000	12.500.000
12/12	GBN67	12/12	Phí dịch vụ kiểm đếm	635 112	165.000	165.000
13/12	GBC37	13/12	Quách Tiến Sơn Thanh toán tiền hàng	112 131	680.000.000	680.000.000

31/12	BTTL T12	31/12	Lương nhân viên T12/2011	642 334	30.000.000	30.000.000
31/12	PC111	31/12	Trả lương nhân viên	334 111	30.000.000	30.000.000
31/12	GBC49	31/12	Ngân hàng VIB trả lãi tiền gửi	112 515	387.425	387.425
31/12	GBN70	31/12	Phí tiền gửi ở VIB	635 112	30.000	30.000
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 635

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
31/11	GBN64	31/11	Phí tiền gửi	112	30.000	
	
10/12	GBN66	10/12	Trả tiền lãi vay dài hạn	112	12.500.000	
12/12	GBN67	12/12	Phí dịch vụ kiểm đếm	112	165.000	
31/12	GBN70	31/12	Phí tiền gửi	112	30.000	
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động TC Quý IV	911		38.920.000
			Cộng số phát sinh		38.920.000	38.920.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23 – Sổ cái TK 635 (trích)

2.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

2.2.5.1. Nội dung của chi phí thuế TNDN tại công ty TNHH Thương mại Đông Á

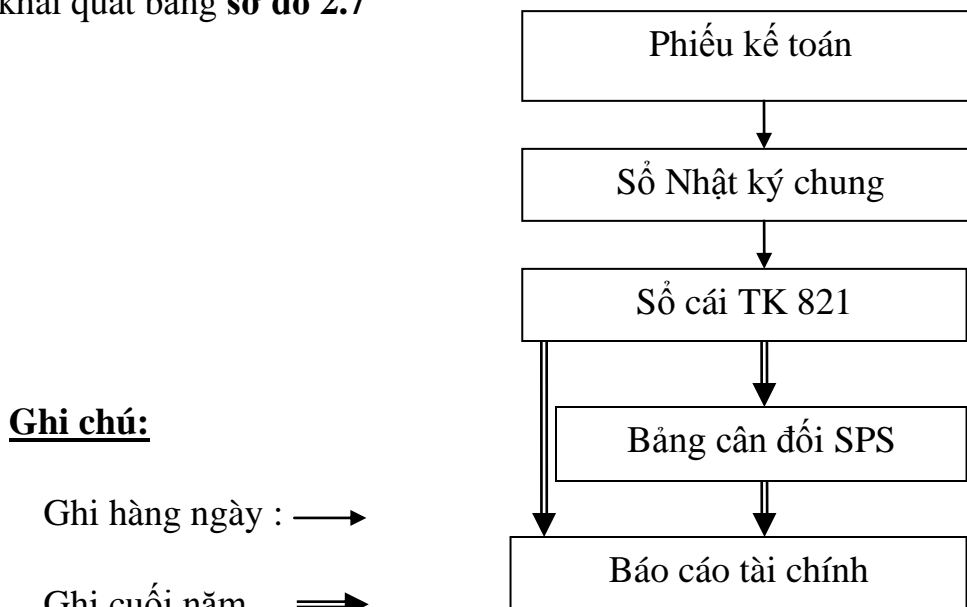
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- ✚ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
- ✚ Tài khoản sử dụng
 - TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.5.3. Quy trình kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Quy trình kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á được khái quát bằng sơ đồ 2.7



Sơ đồ 2.7 – Quy trình kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á

❖ Khảo sát số liệu Quý IV/2011

Cuối tháng 12 kế toán Công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911: 3.345.740.877
- Kết chuyển doanh thu bán hàng: 3.344.545.455
- Kết chuyển doanh thu HĐTC: 1.195.422
- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911: 3.311.788.597
- Kết chuyển giá vốn bán hàng: 3.142.362.097
- Kết chuyển chi phí tài chính: 38.920.000
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh: 130.506.500
- Thu nhập chịu thuế = $3.345.740.877 - 3.311.788.597 = 33.952.280$
- Thuế TNDN phải nộp = $33.952.280 * 25\% = 8.488.070$
- Lợi nhuận sau thuế = $33.952.280 - 8.488.070 = 25.464.210$

❖ Căn cứ vào phiếu kế toán số 85 (*biểu số 2.24*), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK821: 8.488.070

Có TK3334: 8.488.070

- Căn cứ vào PKT số 85 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.25*)
- Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (*biểu số 2.26*)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:85

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Xác định CP thuế TNDN quý IV	821	8.488.070	
	3334		8.488.070
Cộng		8.488.070	8.488.070

Biểu số 2.24 – Phiếu kế toán số 85

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý IV	511	3.344.545.455	
				911		3.344.545.455
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC quý IV	515	1.195.422	
				911		1.195.422
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911	3.142.362.097	
				632		3.142.362.097
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển CFTC quý IV	911	38.920.000	
				635		38.920.000
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển CFQLKD quý IV	911	130.506.500	
				642		130.506.500
31/12	PKT85	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN quý IV	821	8.488.070	
				3334		8.488.070
31/12	PKT86	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	911	8.488.070	
				821		8.488.070
31/12	PKT87	31/12	Kết chuyển lãi quý IV	911	25.464.210	
				421		25.464.210
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT85	31/12	Xác định CP thuế TNDN quý IV	3334	8.488.070	
31/12	PKT86	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	911		8.488.070
			Cộng SPS quý IV		8.488.070	8.488.070

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26 – Sổ cái TK 821 (trích)

2.2.6. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

2.2.6.1. Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản

lý kinh doanh, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán.

- Nợ TK 821- Có TK 3334.

2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.

✚ Tài khoản sử dụng:

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

2.2.6.3. Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

✚ ***Trình tự kế toán***

Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan.

- ❖ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2011.

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán (từ biểu số 2.27a đến biểu số 2.27i và biểu số 2.24)

+ Từ các phiếu kế toán, kế toán ghi vào nhật ký chung (biểu số 2.28)

+ Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (biểu số 2.29)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27a

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:80

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV	511	3.344.545.455	
	911		3.344.545.455
Cộng		3.344.545.455	3.344.545.455

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27b

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:81

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Quý IV	515	1.195.422	
	911		1.195.422
Cộng		1.195.422	1.195.422

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27c

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 82

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển giá vốn hàng bán Quý IV	911	3.142.362.097	
	632		3.142.362.097
Cộng		3.142.362.097	3.142.362.097

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27d

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:83

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí tài chính Quý IV	911	38.920.000	
	635		38.920.000
Cộng		38.920.000	38.920.000

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27e

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :84

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý IV	911	130.506.500	
	642		130.506.500
Cộng		130.506.500	130.506.500

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27g

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 86

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	911	8.488.070	
	821		8.488.070
Cộng		8.488.070	8.488.070

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Biểu số 2.27h

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 87

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển LNST quý IV	911	25.464.210	
	421		25.464.210
Cộng		25.464.210	25.464.210

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý IV	511	3.344.545.455	
				911		3.344.545.455
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC quý IV	515	1.195.422	
				911		1.195.422
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911	3.142.362.097	
				632		3.142.362.097
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển CFTC quý IV	911	38.920.000	
				635		38.920.000
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD quý IV	911	130.506.500	
				642		130.506.500
31/12	PKT85	31/12	Xác định CP thuế TNDN quý IV	821	8.488.070	
				3334		8.488.070
31/12	PKT86	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	911	8.488.070	
				821		8.488.070
31/12	PKT87	31/12	Kết chuyển LNST quý IV	911	25.464.210	
				421		25.464.210
			Cộng lũy kế		25.533.016.737	25.533.016.737

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.28 – Sổ nhật ký chung (trích)

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý IV	511		3.344.545.455
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Quý IV	515		1.195.422
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán Quý IV	632	3.142.362.097	
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển CFTC Quý IV	635	38.920.000	
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD Quý IV	642	130.506.500	
31/12	PKT86	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN Quý IV	821	8.488.070	
31/12	PKT87	31/12	Kết chuyển LNST Quý IV	421	25.464.210	
			Cộng FS Quý IV		3.345.740.877	3.345.740.877

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29 – Sổ cái TK 911 (trích)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đông Á.

3.1.1. Đánh giá chung.

Công ty TNHH thương mại Đông Á là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của công ty tăng lên đáng kể. Đó chủ yếu là do sự năng động, sáng tạo của Ban Giám Đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH thương mại Đông Á, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện được làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

3.1.2. Ưu điểm.

Về hình thức kế toán và chứng từ sử dụng

Hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty sử dụng khá phù hợp với mô hình của công ty hiện nay.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng và có đầy đủ yếu tố cần thiết, đồng thời tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.

Về tổ chức công tác kế toán

Công tác kế toán được tổ chức phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán, tài chính Nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

Về tổ chức bộ máy kế toán

Về tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp; đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu được rõ ràng, tránh sai sót; đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, chính xác để giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá tình hình hoạt động, từ đó đề ra những mục tiêu, kế hoạch hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thị trường. Công ty cũng thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình với ngân sách nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

Về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên

cạnh đó công ty cũng mở theo dõi chi tiết một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

✚ Về thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ

+ Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

+ Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán công ty có mở Sổ kế toán chi tiết đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

+ Cuối kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

✚ Về phương thức hạch toán hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của hàng hóa.

✚ Về việc kê khai thuế:

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

3.1.3. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

✚ Về việc ghi chép sổ sách kế toán.

Hiện nay, công việc kế toán trong công ty vẫn thực hiện một cách thủ công, tiến hàng bằng tay nên việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh luân chuyển chứng từ vẫn chậm, mất thời gian, dễ nhầm lẫn, xảy ra sai sót.

✚ Về hệ thống sổ sách kế toán.

Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho tài khoản 642 theo từng yếu tố, điều này sẽ gây khó khăn trong việc hạch toán chi phí và theo dõi từng yếu tố của chi phí quản lý kinh doanh.

✚ Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty đóng vai trò vô cùng quan trọng. Những chính sách ấy sẽ tạo ra sức hấp dẫn với khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng sản phẩm có thương hiệu, uy tín trên thị trường và được hưởng những chính sách ưu đãi. Nhưng hiện nay, Công ty lại không áp dụng các chính sách ưu đãi như chiết khấu thanh toán,... Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với Công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, việc thu hồi vốn phục vụ cho quá trình kinh doanh chậm.

✚ Về việc áp dụng phần mềm kế toán.

Tại Công ty TNHH thương mại Đông Á công việc kế toán chủ yếu được tiến hành thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán dùng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì vậy doanh nghiệp có thể áp dụng những phần mềm đó. Sử dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ phận kế toán tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng công việc, đồng thời đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

✚ Về việc trích các khoản theo lương cho người lao động.

Công ty đã không thực hiện trích các khoản theo lương cho người lao động, như vậy là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động. Việc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động là vi phạm Luật lao động của nhà nước, đồng thời không trích và đóng các khoản theo lương sẽ gây thiệt thòi lớn cho người lao động. Điều này cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý và năng suất lao động của cán bộ, nhân viên, theo đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp phải luôn có các chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng, đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra và đối chiếu nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học, Ban quản lý của Công ty có thể nắm bắt được thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài sản của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... để từ đó ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3.2.3. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á.

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và những thông tin kiến thức đã học được em xin đưa ra một số giải pháp nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Đông Á như sau:

3.2.3.1. Sử dụng phần mềm kế toán.

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học và hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã đang và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Trong khi đó, Công ty TNHH thương mại Đông Á là công ty mua bán ô tô, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn do vậy trong kỳ phát sinh

những nghiệp vụ cũng như việc tính toán rất phức tạp dễ xảy ra sai sót. Chính vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán với công ty là vô cùng cần thiết, cụ thể bởi những lý do sau:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.
- Giải phóng các kế toán viên khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản để họ dành nhiều thời gian cho việc phân tích thông tin và lao động sáng tạo.
- Hạn chế được việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tính toán số liệu.

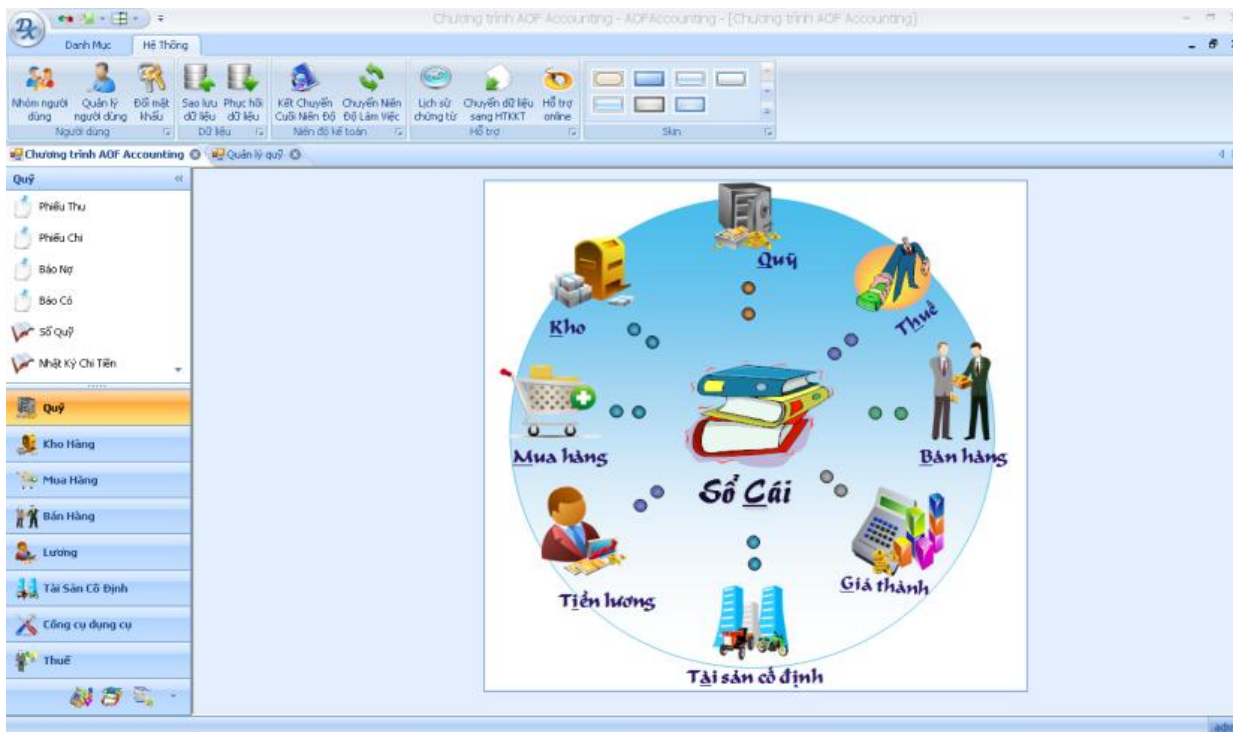
Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như Bravo, Vacom Accounting, VsoftBMS.trade (*mô hình 3.1*)...Đồng thời cũng có một số đơn vị cung cấp các phần mềm kế toán miễn phí như phần mềm kế toán MISA- SME Express 7.9 dùng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của công ty cổ phần MISA hoặc phần mềm kế toán AOF ACCOUNTING (*mô hình 3.2*) của Học viện tài chính cũng là phần mềm rất hay. Các doanh nghiệp muốn sử dụng phần mềm miễn phí này chỉ cần gửi hồ sơ đăng ký qua email, fax hoặc bưu điện; sau đó nhà cung cấp phần mềm miễn phí sẽ xác nhận và kiểm tra thông tin rồi hẹn ngày đến lấy bộ đĩa cài và hướng dẫn sử dụng cho doanh nghiệp. Một số đơn vị còn ở các khóa đào tạo trực tiếp cho khách hàng.

Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ theo **sơ đồ 1.13**

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.
- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả những sổ sách có liên quan. Đến cuối kỳ, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.
- Từ đó lập ra các Báo cáo tài chính.



Mô hình 3.1 – Giao diện phần mềm kế toán VsoftBMS.trade



Mô hình 3.2 – Giao diện phần mềm kế toán AOF ACCOUNTING

3.2.3.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty đóng vai trò rất quan trọng, nó sẽ quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Hơn nữa, trong điều kiện hiện nay có rất nhiều đối thủ cạnh tranh, lãi suất vay ngân hàng mặc dù có xu hướng giảm nhưng vẫn có tỷ lệ cao, nhu cầu vốn kinh doanh lớn mà doanh nghiệp lại không thiết lập chính sách chiết khấu thanh toán trong chiến lược kinh doanh của công ty sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với Công ty, làm giảm doanh thu bán hàng, theo đó việc thu hồi vốn để phục vụ cho quá trình kinh doanh cũng chậm.

Chính vì lẽ đó để có thể thu hút khách hàng, đồng thời đẩy nhanh việc thu hồi vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần phải xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Chiết khấu thanh toán là số tiền doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp sớm hơn thời hạn ghi trong hợp đồng.

Để hạch toán chiết khấu thanh toán, Công ty sử dụng TK 635- Chi phí hoạt động tài chính.

*** Lãi suất chiết khấu thanh toán của Công ty cho khách hàng hưởng có thể dựa trên các yếu tố sau:

- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh theo từng thời kỳ của doanh nghiệp.
- Công ty có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của các doanh nghiệp khác cùng ngành.
- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng các mức chiết khấu theo thời gian.

***Theo ý kiến của cá nhân em, công ty có thể xây dựng như sau:

+ Nếu khách hàng thanh toán tiền sớm trước 2 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu 1.3%.

+ Nếu khách hàng thanh toán tiền sớm trước 1 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.6%.

+ Nếu khách hàng thanh toán tiền trước 15 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.25%.

*** Phương pháp hạch toán:

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK635 – Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí Công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu khi khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ TK 635

Có TK 131

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 28/10/2011 bán cho ông Quách Tiến Sơn 01 xe ô tô 05 chỗ hiệu Daewoo lacetti cdx, DT 1.8L năm sản xuất 2011 (Mã DL CDX 1.8), người mua chưa trả tiền. Theo hợp đồng thì đến ngày 28/12/2011 ông Quách Tiến Sơn mới phải trả tiền công ty. Nhưng ngày 13/12/2011 ông đã thanh toán hết tiền hàng cho doanh nghiệp. Dựa vào chính sách chiết khấu thanh toán công ty đưa ra, công ty tính chiết khấu thanh toán cho ông Quách Tiến Sơn số tiền là 1.700.000, kế toán định khoản như sau:

Nợ Tk 635: 1.700.000

Nợ TK 112: 678.300.000

Có TK 131: 680.000.000

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán trong chiến lược kinh doanh của Công ty, không những Công ty có thể giữ được những khách hàng quen thuộc mà còn có thể tăng lượng khách hàng trong tương lai vì có sự ưu đãi

của Công ty trong việc thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, thu hồi vốn sớm để phục vụ kinh doanh.

3.2.3.3. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết.

Do chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mẫu số S18-DNN ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) nên khi phát sinh khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, kế toán theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí một cách dễ dàng hơn.

Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho tài khoản 642, tài khoản này được mở chi tiết thành 2 tiểu khoản, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 6421 : Chi phí bán hàng – là khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ...
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp – là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

❖ Lấy lại ví dụ ở phần chi phí quản lý kinh doanh.

Kế toán mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho tài khoản 642 (*biểu số 3.1*), khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ có thể theo dõi chi tiết từng yếu tố.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á
Số 51A – Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S18 – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						TK6421	TK6422
A	B	C	D	E	1	2	3
		
05/12	HĐ 0032135	05/12	Phí lưu bãi tại xí nghiệp cảng Vicoship	111	1.503.000	1.503.000	
05/12	HĐ 0032136	05/12	Phí bốc xếp tại xí nghiệp cảng Vicoship	111	800.000	800.000	
05/12	HĐ 0056193	05/12	Phí D/O, phí vệ sinh, phí tắc nghẽn tại công ty TNHH DV Tiên Phong	111	2.541.500		2.541.500
...
25/12	PC110	25/12	Chi hợp tổng kết	111	1.200.000		1.200.000
31/12	BTTTL12	31/12	Lương nhân viên tháng 12	334	30.000.000	4.400.000	25.600.000
			-Cộng số phát sinh trong kỳ		130.506.500	24.903.000	105.603.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.3.4. Áp dụng các khoản trích theo lương cho người lao động.

Tại công ty TNHH thương mại Đông Á kế toán đã không trích các khoản theo lương, như vậy là vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Việc doanh nghiệp trốn tránh nhiệm vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ sẽ khiến cho người lao động bị thiệt thòi không chỉ khi gặp rủi ro, tai nạn, làm thủ tục đăng ký nhập hộ khẩu... mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi khi họ nghỉ hưu, mất việc... Để tránh những rắc rối liên quan đến việc đóng các khoản trích theo lương trên cũng như đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động, công ty TNHH thương mại Đông Á cần hoàn lại những khoản nộp mà những năm trước chưa đóng, chấp nhận chịu phạt do vi phạm luật lao động của nước Việt Nam, và kể từ đây bắt đầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Đồng thời việc tham gia các loại bảo hiểm trên cũng là một cách hay để thu hút người lao động, tạo lòng tin và sự nhiệt huyết của họ trong công việc.

Các khoản trích theo lương bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp.

*** Bảo hiểm xã hội (TK 3383):

Theo Luật Bảo hiểm xã hội CHXHCN Việt Nam: Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ Bảo hiểm xã hội.

BHXH được trích theo tỷ lệ quy định trên lương cơ bản thực tế phát sinh trong tháng. Theo chế độ hiện hành từ 01/01/2012 tỷ lệ trích BHXH là 24% trong đó 17% do đơn vị sử dụng lao động nộp, được tính vào chi phí quản lý kinh doanh, 7% còn lại do người lao động đóng góp.

*** Bảo hiểm y tế (TK 3384):

Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận, do nhà nước tổ chức thực hiện.

Bảo hiểm y tế được sử dụng để thanh toán các khoản tiền khám chữa bệnh, viện phí, thuốc thang... cho người lao động trong thời kỳ ốm đau, sinh đẻ. BHYT được trích theo tỷ lệ quy định trên lương cơ bản thực tế phát sinh trong

tháng. Theo chế độ hiện hành tỷ lệ trích BHYT là 4.5% trong đó 3% do đơn vị sử dụng lao động nộp, được tính vào chi phí kinh doanh; 1.5% do người lao động đóng góp.

*** Kinh phí công đoàn (TK 3389):

Để có nguồn chi phí cho hoạt động công đoàn hàng tháng doanh nghiệp còn phải trích theo một tỷ lệ quy định với tổng số tiền lương, tiền công và phụ cấp thực tế phải trả cho người lao động. Tỷ lệ kinh phí công đoàn trích theo chế độ hiện hành là 2%.

*** Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3382):

Bảo hiểm thất nghiệp là khoản hỗ trợ tài chính tạm thời dành cho những người bị mất việc mà đáp ứng đủ yêu cầu theo Luật định.

Theo chế độ hiện hành tỷ lệ trích BHTN là 2% trong đó 1% do đơn vị sử dụng lao động nộp, được tính vào chi phí kinh doanh, 1% còn lại do người lao động đóng góp.

***** Phương pháp hạch toán:

+ Hàng tháng căn cứ vào bảng thanh toán lương, kế toán xác định số tiền lương phải trả cho người lao động

Nợ TK 642

Có TK 334: Tổng số tiền lương phải trả

+ Định kỳ căn cứ vào tổng tiền lương thực tế phải trả cho các đối tượng và tỷ lệ trích KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, kế toán tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Nợ TK 642: 23% trên tổng tiền lương phải trả cho người lao động

Nợ TK 334: 9.5% trên tổng tiền lương phải trả trong tháng

Có TK 338: Phải trả cho người lao động (3382, 3383, 3384, 3389)

*** Ví dụ minh họa: Lập bảng thanh toán lương tháng 12/2011 có trích các khoản theo tỷ lệ quy định (**biểu số 3.2**)

(Chú thích: Tháng 12/2011 có tỷ lệ trích BHXH 22%, trong đó 16% do đơn vị sử dụng lao động nộp và 6% do người lao động đóng góp).

Công ty TNHH Thương mại Đông Á

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2011

S T T	Họ và tên	CV	Lương CB	Phụ cấp TN	Tổng thu nhập	Các khoản trích trừ vào lương				Thực lĩnh	Các khoản trích trừ vào chi phí			
						BHXH	BHYT	BHTN	Cộng		BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ
1	Hoàng Quốc Hoàn	GD	3.000.000	1.000.000	4.000.000	180.000	45.000	30.000	255.000	3.745.000	480.000	90.000	30.000	80.000
2	Ngô Ngọc Bằng Xuân	PG Đ	2.700.000	800.000	3.500.000	162.000	40.500	27.000	229.500	3.270.500	432.000	81.000	27.000	70.000
3	Ngô Thị Tâm	KT T	2.400.000	600.000	3.000.000	144.000	36.000	24.000	204.000	2.796.000	384.000	72.000	24.000	60.000
4	Phạm Thị Mai	TQ	1.800.000	500.000	2.300.000	108.000	27.000	18.000	153.000	2.147.000	288.000	54.000	18.000	46.000
5	Nguyễn Văn Đông	KT	1.800.000	500.000	2.300.000	108.000	27.000	18.000	153.000	2.147.000	288.000	54.000	18.000	46.000
				
9	Trần Văn Thắng	NV BH	1.700.000	500.000	2.200.000	102.000	25.500	17.000	144.500	2.055.500	272.000	51.000	17.000	44.000
10	Mai Thị Hương	NV KD	1.700.000	500.000	2.200.000	102.000	25.500	17.000	144.500	2.055.500	272.000	51.000	17.000	44.000
11	Đào Xuân Tam	BV	1.500.000	400.000	1.900.000	90.000	22.500	15.000	127.500	1.772.500	240.000	45.000	15.000	38.000
12	Nguyễn Văn Tuấn	BV	1.500.000	400.000	1.900.000	90.000	22.500	15.000	127.500	1.772.500	240.000	45.000	15.000	38.000
	Tổng Cộng		23.300.000	6.700.000	30.000.000	1.398.000	349.500	233.000	1.980.500	28.019.500	3.728.000	699.000	233.000	600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biểu số 3.2 - Bảng thanh toán lương tháng 12

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 12, kế toán định khoản như sau:

+ Nợ TK 642:30.000.000

 Có TK 334:30.000.000

+ Nợ TK 642: 5.260.000

 Nợ TK 334: 1.980.500

 Có TK 3382: 600.000

 Có TK 3383: 5.126.000

 Có TK 3384: 1.048.500

 Có TK 3389: 466.000

Khi công ty trích các khoản theo lương, sẽ tác động trực tiếp đến chi phí quản lý kinh doanh cụ thể là làm chi phí quản lý kinh doanh tháng 12/2011 tăng thêm 5.260.000.

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tiễn tại công ty TNHH thương mại Đông Á, em có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về từng phần hành kế toán đã học, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nhận thấy rõ hơn vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời luôn luôn có khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nói cụ thể hơn là mỗi doanh nghiệp đều có những đặc điểm riêng vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán cũng phải có những bước vận dụng linh hoạt từ chế độ kế toán nhà nước vào tình hình cụ thể của đơn vị mình.

Là sinh viên ngành Kế toán – kiểm toán, em luôn nghĩ cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tế ở nhiều góc độ khác nhau trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sau một thời gian tìm hiểu em đã nhận thức được nhiều hơn về vấn đề này. Em tin rằng đây sẽ là vốn kiến thức, hành trang quý báu giúp em bước vào đời.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong cuốn khoá luận tốt nghiệp đề tài **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đông Á”**. Trong cuốn khoá luận này em đã vận dụng những kiến thức đã học trong trường để trình bày những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Đông Á. Tuy nhiên do kiến thức còn chưa sâu rộng, thời gian và trình độ còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khoá luận này được hoàn thành tốt nhất.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Cô giáo Th.S Lương Khánh Chi giảng viên trường Đại học Hải Phòng, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty TNHH thương mại Đông Á đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 2.Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa – Nhà xuất bản tài chính
- 3.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính
- 4.Lý thuyết và thực hành kế toán – NXB Tài chính Hà Nội
- 5.Giáo trình kế toán tài chính – Trường Học viện tài chính
- 6.Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê.
- 7.Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
- 8.website : ketoanthue.vn và ketoanthucte.com